

Chương V PHÁP CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY (1867)

Mặc dù ngày 16/4/1863 đã làm lễ chấp thuận hòa ước 5/6/1862 cho Bonard và Palanca mang về nước, và giao nộp số tiền bồi hoàn chiến phí đầu tiên tương đương 186,111 Mỹ Kim [13,004 nghìn bạc 10 lạng],⁽¹⁾ Hoàng Nhiễm chưa đành lòng đoạn tuyệt với miền Nam—quê hương của bà nội, Hồ Thị Hoa (Biên Hòa), và mẹ, Phạm Thị Hằng (Gò Công), mà Phan Thanh Giản đã đòi hỏi cho bằng được lời cam kết của Aubaret là không xâm phạm nghĩa trang và vùng đất hương hỏa của họ Hồ và họ Phạm.

1. *ĐNTLCB*, IV, q XXVIII, tập 30:1863-1865, 1974:10-11.

Tháng 7-8/1862, sau khi Pháp thuận trả lại nhà Thanh tỉnh Quảng Đông, Hoàng Nhiễm sai Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiệp vào Sài Gòn điều đình việc chuộc ba tỉnh miền Đông. Bonard không đồng ý. Trương Đăng Quế xin gửi Thủy sư đô đốc Võ Phàm và Trần Đình Túc đi Sài Gòn yêu cầu cho một sứ đoàn Nguyễn qua Pháp trước hạn một năm, nhưng Hoàng Nhiễm lần lữa, bỏ qua. ⁽²⁾

2. *ĐNTLCB*, IV, q XXVII 29:1859-1862, 1974:321 [325].

Tháng 10-11/1862, Bonard và Palanca sai người đưa thư cho Hoàng Nhiễm, nói muốn ra Huế để trao đổi bản văn hiệp ước, và nhận số tiền bồi thường chiến phí. Hoàng Nhiễm sai Giản và Thiệp xin trì hoãn tới tròn một năm, nhưng Bonard không đồng ý, nói một năm không có nghĩa là tròn một năm, và theo đúng luật kẻ mạnh—hay miệng kẻ mạnh có gang, có thép—đe dọa sẽ tiếp tay các lực lượng chống đối, đòi tự trị ở miền bắc, Hoàng Nhiễm đành nhắm mắt đưa chân, với điều kiện sau đó sẽ được gửi sứ đoàn qua Paris và Madrid để xin ký một hiệp định mới.⁽³⁾

3. *ĐNTLCB*, IV, q XXVII 29:1859-1862, 1974:343-344;
q XXVIII, 30:1863-1865, 1974:10-11.

Tháng 5-6/1863, Nguyễn Đình Tân, cha của Thiện phi Nguyễn Thị Duyên—mẹ nuôi Ứng Ái, sau đổi thành Ứng Đường/Ứng Kỹ, tức Đồng Khánh (19/9/1885-28/1/1889)—mới về trí sĩ dưỡng bệnh ở Huế, nhưng không được tham dự triều chính, dù Trương Đăng Quế đã chính thức về hưu—cũng thường chống lại việc hòa với Pháp, nhưng Hoàng Nhiễm nói “Thời thế không làm như thế không được.” ⁽⁴⁾

4. *ĐNTLCB*, IV, q XXVIII, 30:1863-1865, 1974:15-18.

Mặc dù Hoàng Nhiễm tuyên bố tuân theo di chúc Miên Tông, không cho họ ngoại nắm binh quyền để ngừa hậu họa, nhưng thái độ hiếu chiến của cựu tổng đốc Hải Dương-Hung Yên, cũng người từng lập nhiều công to trong việc bài Ki-tô, không thích hợp với chủ trương hiếu hòa của Hoàng Nhiễm và các đại thần khác như Trần Tiễn Thành (14/12/1813-30/11/1883) -Phan Thanh Giản. Lâm Duy

Thiếp đã đột ngột chết, nên Thành xuất hiện như nhân vật quyền thế nhất—chủ hòa, nhưng cũng đồng thời muốn cải thiện bang giao với phe Ki-tô. Bởi vậy, Thành mở đường giới thiệu với Hoàng Nhiệm những “nhân tài mới” như Nguyễn Hoàng và “thầy Lân” Nguyễn Trường Tộ (1827?-1871)—hai hầu cận thân thiết của Giám Mục J D Gauthier, có tên Việt là Ngô Gia Hậu. Gauthier và các “đạo đồ” từ Đường Ngoài Nam (Xã Đoài, Hưng Nguyên, Nghệ An) từng trốn qua Hong Kong, rồi theo Leonard Charner trở lại tăng viện Sài Gòn đầu tháng 2/1861. Cả Hoàng lẫn Tộ đều phục vụ trong cơ quan thông ngôn của soái phủ Pháp, dưới quyền Linh mục Theophile Le Grand de la Liraye (cố Trường hay Dương), người hầu cận của Giám Mục Pierre Retord và Mưu Chủ hay cố vấn các nhóm vũ trang nổi loạn ở Đường Ngoài như Lê Duy Phụng (Phụng) hay Lê Duy Minh. Nhưng Charner và Bonard dần dần loại bỏ các thông ngôn Việt cùng giáo sĩ Ki-tô trong việc thương thuyết Hòa ước 1862, thay bằng thông ngôn gốc Hoa, dù phải trải qua trung gian Anh ngữ. Không biết hay bỏ quên hai chi tiết về nghị quyết lợi dụng các thầy kẻ giảng trong việc chinh phục Đại Nam năm 1857, và quyết định ngưng sử dụng thông ngôn thuộc hội truyền giáo năm 1862, đa số những tác giả viết về Petrus Key hay Nguyễn Trường Tộ đưa ra những thiên lệch sử tiêu thuyết ngây ngô về các thầy kẻ giảng bỏ tu và cơn mộng du dựa vào các nhà truyền giáo để canh tân xứ sở trong giai đoạn 1865-1870. (5)

5. Xem, chẳng hạn, Nguyễn Văn Trấn, *Trương Vĩnh Ký: Con người và sự thật* (Sài Gòn: 1993), tr 7: [Đại ái quốc của Phú Lãng Sa, hay Đại Tây]. Trương Bá Cần, *Nguyễn Trường Tộ: Con người và Di thảo*, tái bản có bổ sung (TP/HCM: 2002), tr 24-60;

I. NỖ LỰC CHUỘC BA TỈNH MIỀN ĐÔNG (1862-1864):

Tháng 6/1863, sau khi tiếp nhận thành Vĩnh Long do Bonard hoàn trả, Hoàng Nhiệm sai Hiệp tá Đại học sĩ Phan Thanh Giản cầm đầu sứ đoàn qua Pháp và Espania. Cùng đi có Phạm Phú Thứ, Tả Tham tri Bộ Lại, làm Phó sứ; Nguyễn Khắc Đản, án sát Quảng Nam (gốc Nghệ An), làm Bồi sứ, và hơn 60 tùy tùng. (6)

6. *DNTLCB*, IV, XXVIII, XXIX, 30:1863-1865, 1974: 21-25, 66; P. Daudin et Le Van Phuc, “Phan Thanh Gian, 2è ambassadeur en France en 1863 (1796-1867),” *BSEI*, XVI:2 (1941), tr. 11-128; Ngô Đình Diệm, “L’Ambassade de Phan Thanh Gian (1863-1864),” *BAVH*, VI, Số 1bis và 2 (Avril-Juin 1919), tr 161. Ở đầu bài, Diệm được giới thiệu là “học sinh trường Hậu bổ,” và bài này đã được đọc tại các buổi họp [hội thảo] ngày 27/8 và 3/12/1918, và 4/3/1919. Ibid. Diệm chỉ dịch một phần tập tâu của Phan Thanh Giản và Phạm Phú Thứ, dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Đình Hòa. Phần còn lại (thiếu đoạn đi sứ Espania) do Trần Công Tạn dịch; *BAVH* (1921), tr. 147-187. Oanh 1974:174-92; Osborne 1969:6 ;

Với ảo vọng một lời nói hợp lý có sức mạnh của 10,000 binh sĩ, Hoàng Nhiệm cho lệnh Giản đề nghị đổi cắt thành Sài Gòn, Định Tường, Thủ Dầu Một và Côn Lôn lấy ba tỉnh miền Đông. Ngoài ra, xin kéo dài thời hạn trả tiền bồi

thường chiến phí thành 20 năm; hạn chế số cố đạo là 15 người để dễ kiểm soát; xin bỏ điều khoản muốn cắt đất hay giảng hòa với nước khác phải có sự chấp thuận của Pháp; và không chấp thuận đặt lãnh sự quán ở kinh đô. (7)

7. ĐNTLCB, IV, q XXVIII, 30:1863-1865, 1974:21-25.

A. SỨ ĐOÀN PHAN THANH GIẢN (22/6/1863-20/3/1864):

Ngày 21/6/1863, Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, và Nguyễn Khắc Đản, chào từ biệt Hoàng Nhiệm. Vua căn dặn bọn Giản nhất định không thể quỳ lạy vua Phú Lăng Sa, và chỉ trao quốc thư đến tận tay vua Phú Lăng Sa. Giản cũng hiểu sứ mệnh vô cùng khó khăn, chỉ hứa sẽ tận lực.

Hôm sau, xuống tàu *Echo* vào Sài Gòn, xin nhờ đưa qua Paris đáp lễ. Vì chuyến đi của sứ đoàn Huế đã được dàn xếp từ trước nên tân Thống sứ Pierre Paul Benoit de Lagrandière không tiện chống lại. De Lagrandière chọn Hải quân Trung tá Henri Rieunier (Lý A Nhi) cầm đầu phái đoàn hướng dẫn. Gabriel Aubaret [A Bá Lý]—dịch giả bộ *Gia Định Thống Chí* của Trịnh Hoài Đức (1760-1825), và bộ luật Gia Long, cũng người từng thương thuyết hiệp ước 5/6/1862 với Giản(8) — được cử làm trưởng đoàn thông ngôn.

8. G Aubaret, *Histoire et description de la Basse Cochinchine* (Paris : 1963) ; *Code annamite, loi et règlements du Royaume d'Annam*, 2 vols (Paris : 1965)

Ngày 25/6/1863, sứ đoàn Phan Thanh Giản đến Sài Gòn. Ngày 26/6, Rieunier tới thăm. Cho biết sẽ tháp tùng sứ đoàn qua Pháp để hướng dẫn. Và thông báo ba chính phó sứ phải trả tiền vé tàu 536 đồng [piastre] mỗi người; 10 quan tùy tùng 241 đồng mỗi người; những người còn lại 121 đồng. Tiền hành lý hết 2,250 đồng. Tiền chi phí xe lửa là 1,000 đồng. Tổng số chi phí lên tới 13,980 đồng. Mỗi đồng tương đương với 7 đồng 2 phân [?]. (9)

9. Ngô Đình Diệm, 1919, tr. 167. Có lẽ là 72% lạng bạc. Nhưng cũng có thể chỉ tương đương 69.8% lạng bạc.

Mấy ngày sau, Phan Thanh Giản chọn phó tế (sau được thăng Linh mục) Nguyễn Hoàng, một trong hai người tín cẩn của Giám Mục Gauthier, làm thông ngôn. Thông ngôn thứ hai là Nguyễn Văn Trường, bị chết dọc đường. (10)

10. Ngô Đình Diệm, 1919, tr. 170, 185.

Nhóm thông ngôn của Soái phủ Sài Gòn, do Aubaret cầm đầu, gồm đệ nhất đẳng thông ngôn Petrus Key (Trương Vĩnh Ký), Petrus [Nguyễn Văn] San, giáo sư trường Thông ngôn; hai "nho [lettrés]" (Ba [Tôn Thọ] Tường, Phủ Tân Bình, và Quan Văn Hiều; hai học sinh trường Giám Mục [Mgr] D'Adran là Trần Văn Luông, con Huyện Ca, và Simon Cửa; cùng 3 người hầu, kể cả Pedro (Trần Quang Diêu). Ngày 2/7/1863 [17/5 Quý Hợi], De Lagrandière mời sứ đoàn dự dạ tiệc, và giới thiệu phái đoàn Rieunier, [Petrus] San, Tôn Thọ Tường, Quan Văn Hiều [Hiều]. (11)

11. SHM (Vincennes), GG2 198, carton 1; Diệm, 1919, tr. 171; Oanh 1974:174-192; Osborne 1969:6; Nguyễn Vũ, *Ngàn Năm Soi Mặt* (Houston : Văn Hóa, 2002), tr 213-216 [156-269]. Năm 1967, Luông được thăng chức thông ngôn hạng nhất, bên cạnh tham biện Sài Gòn; *Gia Định Báo* (Sài Gòn), 15/8/1867 [21/7 Đinh Mão].

Hai ngày sau, 4/7/1863, tàu *Européen* nhổ neo ra khơi. Hơn hai tháng sau nữa, ngày 10/9/1863, Giản tới Marseille. Ngày 13/9, tới Paris. Ngoại trưởng Pháp Edouard Drouhin de Lhuys đón tiếp.

Ngày 18/9/1863, Phan Thanh Giản đệ trình Drouhin de Lhuys một quốc thư của Hoàng Nhiệm gửi Napoléon III, gồm 2 đề nghị chính:

1. Xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Huế đồng ý cắt nhượng cho Pháp đảo Côn Lôn, Sài Gòn, hải cảng Thủ Dầu Một và một địa điểm trong tỉnh Định Tường do Pháp chọn.

2. Xin giảm bớt tiền bồi thường chiến phí; hoặc, kéo dài kỳ hạn trả tiền.
(12)

12. *DNTLCB*, IV, XXVIII, 30:1863-1865, 1974: 21-25.

Cả Drouhin de Lhuys lẫn Chasseloup-Laubat đều chống đối việc chuộc đất. Khoảng ba tuần trước ngày sứ đoàn Nguyễn tới Paris, như đã lược thuật, ngày 11/8/1863, qua trung gian của Giám mục **Jean-Claude Miche** (Mịch, rồi Gioăng, 1805-1873), Lagrandière ký với Phra Norodom (1862-1911) một hiệp ước bảo hộ Campuchia. Hòa ước này không những chấm dứt tình trạng “chim nhiều đầu” của Campuchia, mà còn mở rộng vùng kiểm soát của Pháp về hướng Tây, bưng lên hy vọng sử dụng sông Cửu Long để vào thị trường Hoa Nam. (13)

13. *CARAN* (Paris), Marine, BB4 825; Osborne, 1969:27-28, 30-32. Paris phê chuẩn năm 1864; và Xiêm đồng ý năm 1867. Miche được ban thưởng Bắc Đẩu Bội tinh, và năm 1865 thay Lefebvre làm Giám Mục Sài Gòn trong nghi lễ quân cách. Một học giả Mỹ dùng thuật ngữ chim “hai đầu” (giữa Bangkok và Huế), nhưng thực tế từ thế kỷ XIV, Kamboja đã trở thành một chư hầu của đế quốc Minh (1368-1644). Vua Minh tự nhận là chúa tể thiên hạ và đại diện thần linh cai quản các lân bang, bao gồm Korea, Ryukyu, An Nam, Chiêm Thành, Chân Lạp [Kamboja], Xiêm [Siam], Miến Điện [Mian Dian] và Tây Java. Xem *Southeast Asia in Ming shi-lu [Minh thực lục]: An Open Access Resource*, bản dịch Geoffrey Wade (Singapore: National Univ of Singapore, database, 2005).

Tuy nhiên, triều đình Napoléon III (1852-1870) đang gặp nhiều khó khăn. Để làm tròn danh hiệu “Hộ pháp đạo Ki-tô,” Napoléon III sa lầy trong cuộc chiến ở Mê-hi-cô [Mexico]. Chỉ trong năm 1863, Paris phải chi phí cho cuộc viễn chinh ở Mexico 210 triệu quan, gấp 5 lần chiến phí tại Nam Kỳ trong hai năm 1862-1863. Ngân sách vương quốc thì bị thâm thủng tới 972 triệu quan. Trong khi đó, giới tư

bản Pháp chú trọng đến thị trường Âu châu, và chỉ có một nhóm thương gia ở các hải cảng Marseille hay Toulouse tha thiết đến việc khai khẩn Nam kỳ.

Bởi thế, dư luận báo chí rất thờ ơ. Chỉ có hai tờ báo thân Giáo hội Ki-tô Pháp cổ võ cho việc khai hoá “6 triệu linh hồn” ngoại đạo ở vùng “Đàng Trong thấp” (Basse-Cochinchine). (13)

13. Paulin Vial 1885:14-15. Từ năm 1876, Pháp chia Đàng Trong Thấp thành sáu đơn vị hành chính: Năm 1882, lập thêm tiểu khu Bạc Liêu.

Trong khi đó, Aubaret—được coi như chuyên gia về Đại Nam, cũng người phụ trách thông ngôn với sứ đoàn Phan Thanh Giản—cổ võ chính sách “bảo hộ hình thức” hơn “bảo hộ thực tế.” Tờ trình của Aubaret về tình hình Nam Kỳ và chính sách “hợp tác” [*association*]¹—tức dùng người Việt cai trị người Việt, dưới sự giám sát của sĩ quan Pháp—được triều đình Napoléon III tán thành.

Ngày 5/11/1863, Napoléon III tiếp Phan Thanh Giản ở điện Tuleries (Versailles, khoảng 20 cây số tây nam Paris). Hai ngày sau, 7/11, Bộ Ngoại giao Pháp trao cho Giản một quốc thư đồng ý trên nguyên tắc việc sửa đổi Hoà ước 5/6/ 1862 và hứa sẽ bàn luận chi tiết sau tại Huế.

Trong thời gian thảo luận, các thành viên sứ đoàn có những việc làm đáng ghi nhận sau:

Ngày 30/9/1863: Phạm Phú Thứ, Nguyễn Khắc Đản đi thăm một nhà thờ phụ trách việc truyền đạo ở phương Đông. Gặp hai giáo sĩ từng ở VN: Pierre Charrier (Đoan, 1803-1871) và Jean-Claude Pernot (Định, 1823-1904), trước ở Vĩnh Long. (14)

14. Trần Xuân Toạn (dịch), “L’Ambassade de Phan Thanh Gian, 1863-1864”; *BAVH*, 1921, pp 168-169 [147-187].

Ngày 5/10/1863, vợ và con gái Philippe Vannier từ Lorient tới thăm. Nguyễn Thị Sen [Liên] là con gái Nguyễn Văn Dũng, Thuyền tử cai đội. Nhắc lại chuyến thăm đột ngột của Tôn Thất Thường (Văn Liễu) và Dũng, thuộc sứ đoàn của Nguyễn Phước Đảm, năm 1840-1841. Ngày 7/10, trở lại dự tiệc với con trai, con gái. Mặc quốc phục. (15)

15. Trần Xuân Toạn (dịch), 1921, tr. 174-176, 178-180 [147-187]; *ĐNTLCB*, II, 21:230-231; *Lettre commune* (Paris), 16/4/1841. Tôn thất Thường sau lên tới Thượng thư bộ Lại, chết năm 1862.

Ngày 21/10/1863, Ngoại trưởng Pháp mở dạ tiệc tiếp sứ đoàn. Tại dạ tiệc này, Phan Thanh Giản gặp Đại sứ Y Ta Duy Nê [Mỹ]. (16)

16. Delvaux, 1926:265.

Ngày 25/10/1863, sứ đoàn đi thăm vườn Vincennes. Hôm sau, Aubaret dẫn sứ đoàn tham quan cung điện Versailles.

Trước khi xuống tàu về nước, ngày 1/12/1863, phái bộ còn đến thăm Vatican một tuần, do chính phủ Madrid bảo trợ. Ngày 2/12/1863, theo Phạm Phú Thứ, phái bộ đưa Petrus Key đến gặp Giáo Hoàng. (17)

17. Hải Ngọc, *Phạm Phú Thứ với tư tưởng canh tân*, (Đà Nẵng: 1995), tr 175.

Ngày 18/3/1864, sứ đoàn Việt về tới Sài Gòn. Ba ngày sau, Giản trình lên Hoàng Nhiệm kết quả chuyến đi. Cuối tháng đó Giản dâng vua tập ký sự *Như Tây Sứ Trình Nhật Ký*. Hoàng Nhiệm giữ Giản ở kinh, với chức Thượng thư Bộ Lại như cũ, để chờ sứ giả Pháp tới thương nghị hoà ước mới.

B. TẠM ƯỚC PHAN THANH GIẢN-AUBARET 15/7/1864:

Ba tháng sau, ngày 15/6/1864, Aubaret—mới được bổ nhiệm làm lãnh sự Pháp ở Krung thep—tới Huế. Tháp tùng Aubaret có Thiếu úy Charles Duval và Cuverville. Sau ba tuần thảo luận, ngày 15/7/1864, Aubaret và Giản ký “Hiệp ước thương mại” theo tinh thần những cuộc thảo luận ở Paris. Pháp đồng ý trả lại ba tỉnh miền Nam, chỉ đóng quân tại Sài Gòn, Mỹ Tho, Thủ Dầu Một và Vũng Tàu, và kiểm soát sông Cửu Long. Đổi lại, Hoàng Nhiệm chấp nhận sự bảo hộ của Pháp trên toàn sáu [6] tỉnh miền Nam, bồi thường 2 triệu Mỹ kim trong thời hạn 40 năm, và từ bỏ quyền bảo hộ Căm-Bốt. Hai bên cùng đồng ý rằng hoà ước chỉ có hiệu lực nếu được Pháp hoàng phê chuẩn. (18)

18. *ĐNTLCB*, IV, q XXIX, 30:1863-1865, 1974: 84-6, 90-1, 92-3, 94-5, 96.

1. Phản ứng của sĩ phu:

Hoàng Nhiệm và các đại thần chẳng vui mừng được lâu. Trước sự hèn kém của triều đình, cộng thêm mối hiềm khích “Giáo-Lương” ngày một gia tăng cường độ, giai tầng văn thân quyết định đứng lên đảm nhiệm sứ mệnh đánh ngoại xâm, diệt “nội thù.”

Tháng 8/1864, nhân khoá thi Hương, khoảng 5,000 thí sinh tại Nam Định và Hà Nội bãi thi, đòi nhà vua đưa quân vào Nam đánh Pháp và cho lệnh trừng trị giáo dân. Hỗn loạn lan tràn khắp đất Bắc. (19)

19. *ĐNTLCB*, IV, q XXX, 30:140-141, 152; Thư ngày 11/1/1866 của Ch. H. Jeantet, đại diện Giáo khu Tây Đàng Ngoài, trong *Annale de la propagandation de la foi*, 1866:362.

Tại Huế, khoảng 4,000 sĩ tử cũng dâng lên Hoàng Nhiệm những yêu cầu tương tự. (20)

20. *ĐNTLCB*, IV, q XXX, 30:152, 154-56; Thư ngày 17/9/1864 của R P Bernard gửi Giám mục Sohier [Bình], dẫn trong E. Louvet, *Vie de Mgr Puginier* (Hà Nội: 1894), tr. 119. Sẽ dẫn Louvet 1894.

Phản ứng của Hoàng Nhiệm với việc công khai chống đối đầu tiên của giới văn thân/nho sĩ tương đối nhẹ. Ba người ở trường thi Hà Nội (Phạm Gia Tự,

Nguyễn Danh Ân, Đỗ Văn Định) bị phạt. Đốc học Nam Định là Doãn Khuê và Đốc học Hải Dương Cát Văn Tụy bị cách lưu [giáng 4 cấp, nhưng vẫn lưu dụng]. (21)

21. *ĐNTLCB*, IV, q XXX, 30:1863-1865, 1974: 152.

Tuy vậy, hồ ngăn cách giữa triều đình và giai tầng trung kiên của chế độ bắt đầu rạn nứt. Mùa Hè 1864, sự chống đối mãnh liệt hơn xảy ra ngay tại kinh đô. Một nhóm văn thân quý tộc và gia đình quyền thế—như công tử Hường Tập, Phò mã Trương Văn Chất (con Tổng đốc Trương Văn Uyên), Nguyễn Đình Cán (con Binh bộ Thượng thư Nguyễn Đình Tân, anh hoặc em vợ nhỏ Hường Nhiệm), v.. v...—nghe lời Nguyễn Văn Viện, người Bình Định, tự nhận có khả năng không cần dùng binh đao mà đẩy lui được tàu chiến Tây Dương—âm mưu ám sát Phan Thanh Giản-Trần Tiễn Thành vào đêm 3/8/1864 [2/7 Giáp Tí], rồi sẽ kéo nhau đi tấn công các làng Ki-tô gần kinh đô (Kim Long, An Truyền, An Văn, An Hòa). Việc không thành, Hường Tập và 6 người Hoàng tộc [Hường Ty, Lương Sinh, Tôn Thất Thanh (tri huyện Hương Trà) và ba hộ vệ thân binh [Thức, Kiều và Thân] bị hạ ngục, đổi sang họ mẹ. Những người khác đều bị bắt giữ. Đầu năm 1865, án mới làm xong. Vũ [Hường] Tập và Nguyễn Văn Viện bị chém ngay, trong khi những người khác bị bắt giữ. Phù bình công Miên Ao (cha Hường Tập), Nguyễn Đình Tân, và ngay cả Tổng đốc Trương Văn Uyên (cha Trương Văn Chất) cũng bị liên hệ. Những người trong tôn thất thì bắt về nhà đóng cửa hối lỗi. (22)

22. *ĐNTLCB*, IV, q XXX, 30:1863-1865, 1974:156 [154-156].

2. Pháp không phê chuẩn tạm ước Aubaret:

Về phía Pháp, cũng có nhiều vận động chống việc chuẩn y tạm ước giữa Phan Thanh Giản và Aubaret. Phe chống đối mãnh liệt nhất, dĩ nhiên, là các giáo sĩ. Nhưng có tiếng nói ảnh hưởng hơn cả là Thống Đốc Lagrandière, Bộ trưởng HQ & TĐ Chasseloup-Laubat, và Đô Đốc Rigault de Genouilly cùng nhóm cựu sĩ quan Hải quân đã tham chiến ở Đại Nam của “Câu lạc bộ Thuộc địa.” Ngay cả Bonard, cấp chỉ huy cũ và người sử dụng chính sách của Aubaret trong thời gian 1862-1863 cũng chống đối. (23)

23. Điều trần của Bonard gửi Napoléon III; CAOM (Aix), carton 1, A00(3); Cao Huy Thuần 1990:121.

Từ đầu năm 1864, các nhóm chống đối đã bày tỏ thái độ về việc cho chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ. Tháng 4/1864, Trung tá Rieunier, dưới bút danh H. Abel, xuất bản cuốn *Vấn đề Nam Kỳ trên quan điểm quyền lợi Pháp* [*La Question de Cochinchine au point de vue des intérêts français*], trong đó tác giả cổ võ chính sách duy trì Nam Kỳ như một thuộc địa. Sau 5 năm ở vùng Viễn Đông, Rieunier cũng tự tạo cho mình uy tín không những của một lính chiến thực thụ, mà còn có bài đăng trên *Tạp chí Hàng hải và Thuộc địa* [*Revue Maritime et Coloniale*]. (24)

24. Henri Rieunier, “Commerce de Saigon pendant l'année 1862;” *Revue Maritime et Coloniale* (Fév. 1864); do nhà Librarie Challamel Ainé in lại năm

1864. Tại Văn khố Hải quân Pháp có một số tư liệu của Rieunier. Xem Nguyễn Vũ, *Paris: Xuân 1996* (Houston: Văn Hoá, 1997), tr 51-53, 66-74;

Francis Garnier, một sĩ quan Hải quân khác, xuất bản cuốn *Nam Kỳ của Pháp năm 1864 [La Cochinchine française en 1864]*, với bút hiệu G Francis ca ngợi những lợi nhuận kinh tế mà Nam Kỳ sẽ mang lại. (25)

25. Osborne, 1969, pp 39-40.

Báo chí Pháp cũng công khai chống lại việc trả đất. Một số dân biểu yêu cầu rút Aubaret về nước tức khắc.

Trong khi đó, tại Nam Kỳ, tình thế quân sự đã khả quan hơn. Thủ lĩnh nghĩa quân Trương Định bị tử trận, và Thủ Khoa Huân bị bắt. Mật dụ ngưng đánh Pháp của Hoàng Nhiệm cũng khiến lòng người ly tán dần. Bởi thế, Lagrandière và Chasseloup-Laubat thuyết phục được Napoléon III bỏ ý định cho chuộc đất. Ngày 20/7/1864, khi Aubaret lên đường về nước thì cũng được lệnh (ký ngày 18/7/1864) phải ngưng ngay mọi thương thuyết.

Ngày 4/11/1864, Chasseloup-Laubat bác bỏ qui ước mới, và ngày 10/11, Triều đình Pháp quyết định không phê chuẩn tạm ước trên.

Ngày 20[29 ?]/1/1865, Lagrandière sai Chevalier [Sơ Ba Lê] đến cửa Thuận An thông báo cho Huế biết tin trên, và khẳng định Hiệp ước 5/6/1862 vẫn còn hiệu lực. Đòi phải nộp tiền bồi thường chiến phí ở Bình Thuận, và xuống dụ cho các tỉnh miền nam ngưng chống đối. Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ tâu xin công bố nội dung hiệp ước 1862 ; đồng thời viết thư hỏi Aubaret về tân ước để “giữ thể diện.” Hoàng Nhiệm chẳng còn cách nào khác hơn “đoạn tuyệt để mà bảo vệ.” Ngày 27/3/1865, Hoàng Nhiệm xuống mật dụ cho lệnh các quan không được yểm trợ các toán nghĩa binh chống Pháp nữa. (26)

26. *ĐNTLCB*, IV, q XXXI, 30:1863-1865, 1974:162-163 [tháng Giêng Ất Sửu, 27/1-25/2/1865]; *CBTD*, 1/3 TĐ XVIII, 3, CB 287:1-3. [check : 6/4/1865 = 1/3 TĐ 18]

Thừa thắng, Lagrandière còn muốn đi xa hơn, thâm tóm nốt ba tỉnh miền Tây. Theo Lagrandière, đây là nơi những phe nhóm chống Pháp rút về lập căn cứ địa. Ngoài ra, ba tỉnh miền Tây còn là cửa ngõ thông thương với Chăm Bốt, mới qui phục qua trung gian của Giám mục Miche; và những bang hội người Hoa ở vùng này đều muốn được Pháp bảo hộ. (27)

27. Báo cáo tháng 2/1864 của Lagrandière; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4-834.

II. ĐỀ ĐỐC PIERRE PAUL BENOIT DE LAGRANDIÈRE (30/4/1863-4/4/1868):

Từ ngày 30/4/1863, Đề Đốc Pierre Paul Benoit de Lagrandière thay Phó Đô Đốc Louis A Bonard [Phô Na].(*ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:46) [Bonard đã

thay Charner từ ngày 23/11/1861]) Ngay sau khi nhậm chức, Lagrandière đẩy mạnh việc đánh dẹp các tổ chức nghĩa quân kháng Pháp ở miền Nam—nhưng dưới mắt Pháp, và theo công pháp quốc tế ở đỉnh cao của phong trào thực dân Âu Châu, chỉ là ngụy, phản loạn hay giặc [*rebelles*] vì Hoàng Nhiệm đã cắt ba tỉnh miền Đông cho Pháp qua “Hòa Ước 5/6/1862,” và mới chính thức làm lễ ký và trả khoản tiền bồi thường chiến phí đầu tiên. Ngày 20/5/1863, Lagrandière ra Tuyên Cáo gia hạn cho các lãnh tụ nghĩa quân thêm một tháng (tháng 4 năm Quý Hợi) phải về hàng, nhưng chỉ được tha mạng sống. (28)

28. SHM (Vincennes), GG2 198, carton 1.

Sau ngày này, Lagrandière tận dụng sự tiếp tay của các đạo lính mộ bản xứ dưới quyền các nhóm Trần Bá Lộc, Huỳnh Công Tấn, v.. v... trong việc tảo thanh nghĩa quân.

Mặt khác, Lagrandière ép buộc triều đình Huế phải chính thức cho lệnh các tổ chức nghĩa quân hạ khí giới, hoặc di tản tới những vùng lãnh thổ còn do nhà Nguyễn cai trị. Lagrandière cũng nhiều lần cảnh cáo Huế và quan chức địa phương phải rút lại sự yểm trợ nghĩa quân và giao nộp các lãnh tụ kháng chiến. Tháng 6/1863, Thủ khoa Huân bị Pháp đánh bại ở xã Mỹ Nhiêu, bỏ chạy qua vùng Hà Tiên / Châu Đốc. Sau đó, bị Tổng đốc An Giang-Hà Tiên là Phạm Quang Thân bắt giao cho Pháp. (29)

29. ĐNTLCB, IV, q XXXIV, 31:1866-1869, 1974:41.

Về phương diện hành chính, Lagrandière trở lại chính sách cai trị trực tiếp, tức đồng hóa [*assimilation*] của Charner mà các giáo sĩ nồng nhiệt ủng hộ. Khu vực do Pháp chiếm đóng được chia làm nhiều đơn vị hành chính. Mỗi đơn vị có ba Thanh tra bản xứ vụ (*Inspecteurs des affaires indigènes*), phụ trách hành chính, tư pháp và tài chính. Các viên chức này tuyển từ giới sĩ quan Hải quân.

Trở ngại lớn lao nhất là vấn đề luật pháp. Vì dị biệt ngôn ngữ và văn hóa, Lagrandière tạm thời áp dụng Luật Gia Long, do Aubaret tóm lược bằng tiếng Pháp, cho dân Việt và dân Hoa; trong khi người Pháp và các ngoại kiều Âu châu thì chịu chi phối bởi luật Pháp (Nghị định ngày 25/7/1864).

Là một trong những thành viên hăng say của “đảng thuộc địa,” dưới mắt Lagrandière, Pháp cần chiếm cả Căm Bốt cùng ba tỉnh miền Tây. [không thể có chuyện cho chuộc lại ba tỉnh miền Đông].

Đồng thời, Lagrandière kiện toàn dần cơ cấu tổ chức hành chính Nam Kỳ. Từ ngày 9/11/1864, Lagrandière thiết lập Nha Nội chính (*Direction de l'Intérieur*). Paulin Vial được cử làm Giám đốc (nhậm chức ngày 1/12/1864).

Tuy nhiên, Lagrandière chủ trương chỉ “duy trì hiệp ước [5/6/]1862 cho tới khi thời cơ cho phép xé bỏ nó.” (30)

30. Thư ngày 17/1/1865, Lagrandière gửi Maurut Dupleix; CAOM (Aix), Indochine, carton 11, A-30[6]; Osborne 1969:61.

Ngày 31/3/1865, Lagrandière xuống tàu *Đồng Nai* về nước để tường trình lên Chasseloup-Laubat kế hoạch đánh chiếm toàn bộ miền Nam. Đề Đốc Pierre-Gustave Roze tạm thời XLTV chức Thống đốc [cho tới ngày 19/11/1865]. Tuy nhiên, Chasseloup-Laubat chưa có quyết định dứt khoát.

III. BỐ NGỔ BA TỈNH MIỀN TÂY (1867):

Sự thất bại của các tổ chức kháng chiến của Trương Định và Thủ khoa Huân khiến phong trào chống Pháp phai tàn dần. Lãnh tụ kháng chiến đáng kể nhất chỉ còn lại Thiên hộ Võ Duy Dương. Ngày 22/7/1865, Võ Duy Dương cùng khoảng 100 nghĩa quân đánh đồn Mỹ Trà ở Sa Đéc, rồi rút về căn cứ bí mật ở Ấp Lý, Đồng Tháp Mười—một vùng đất sinh lầy rộng lớn, phía tây Sài Gòn khoảng 100 cây số. Trong thế kỷ XX, Đồng Tháp Mười là chỗ nương thân của hầu hết những thành phần thù nghịch Pháp. Ngày 14/4/1866, nhờ sự hợp tác đặc lực của các đơn vị lính mã tà bản xứ, Pháp phá được căn cứ của Võ Duy Dương bốn ngày sau. Thiên hộ Dương bại trận, rút lui; ít lâu sau chết vì đắm tàu trên đường di tản ra Bình Thuận. Không biết tin này, ngày 18/7/1866 Hường Nhiệm còn ra mật dụ phải tầm nã Võ Duy Dương. Ngày 11/10/1866, lại cho mật lệnh bắt Thiên hộ Dương—nhưng tâm sự với các cận thần là chỉ muốn che mắt soái phủ Pháp. (31)

31. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974:40-41, 49, 64, 65 ; *CBTD*, 7/6 *TĐ XIX*, 3/9 *TĐ XIX*, 3, CB 287:76-81, 143-145 [2003 :132].

Thời gian này, Pháp đang gặp nhiều khó khăn ở Âu châu—đặc biệt là liên hệ giữa Pháp với Prussia [Phổ] —khiến Bộ Hải Quân & Thuộc Địa dè dặt, tạm thời duy trì tình trạng hiện hữu.

Năm 1866, một cơ hội mới đến với Lagrandière. Nhân dịp hãng buôn Bri-tên Bonan [Phổ Na] ở Hong Kong đòi triều đình Huế phải cho thu thuế thuốc phiện ở các hải cảng Đại Nam để trừ vào số tiền mua tàu *Mãn Thỏa*, Hường Nhiệm sai Phan Thanh Giản vào Sài Gòn nhờ Pháp can thiệp. Lagrandière từ chối, nêu lý do Pháp chỉ có thể can thiệp nếu Đại Nam cũng là một xứ bảo hộ của Pháp giống như Cấm Bột. Rồi sai Le Grand de la Liraye ra Huế điều đình một hiệp ước mới—Pháp sẽ không những chỉ bảo vệ cho Đại Nam về phương diện quân sự và ngoại giao, mà còn miễn cả tiền bồi thường chiến phí. Đổi lại, Đại Nam nhận Pháp bảo hộ, và nhượng thêm ba tỉnh miền Tây. Sứ mệnh của Le Grand de la Liraye thất bại vì triều đình Huế đã tự động giải quyết xong vụ mua tàu của hãng Bonan. (32)

32. *ĐNTLCB*, IV, q XXXIV, 31:1866-1869, 1974:34-37;

Ngày 14/10/1866 Lagrandière lại cử Paulin Vial và Le Grand de la Liraye (Dương) ra Huế, nhưng cũng không thành công. Trước khi ra về, Vial đe dọa Hình bộ thượng thư kiêm Thương Bạc đại thần Phan Huy Vịnh và Phạm Phú Thứ là sớm muộn sẽ có chiến tranh vì phải giải quyết vấn đề “nội loạn” (kháng Pháp) ở các tỉnh miền Tây. (33)

33. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1975:64-65.

Bởi thế, Lagrandière bí mật chuẩn bị việc chiếm đánh ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên bằng võ lực.

IV. "GIẶC CHÀY VÔI":

Chuyến đi của Vial và Le Grand de la Liraye thất bại phần nào vì một biến cố xảy ra ở kinh đô Đại Nam, thường biết như Giặc Chày Vôi.

Theo sử quan Nguyễn, ngày 15/9/1866 [8/8 Bính Dần, 8/9-10/7/1866], ba anh em họ Đoàn (người làng An Truyền) là Đoàn Trung, Đoàn Hữu Ái, Đoàn Tú Trục nổi dậy chống Hường Nhiệm. Họ cùng Hữu quân Tôn Thất Cúc, mật kết với trụ trì chùa *Long Quang* là Nguyễn Văn Quý, mưu lập Đinh [Ứng] Đạo, con An Phong Công Hường Bảo. [Từ 4/7-1/8/1864 [6 Giáp Tí] đã tập trung 4 anh em ở Huế, giam lỏng; IV, XXIX, 30:1863-1865, 1974:100]

Trước đây, sau khi thấy Đạo đi lễ ở mộ mới cải tang của Hường Bảo, anh em họ Đoàn cùng Trương Trọng Hòa, Phạm Lương lập nên Đông Sơn Thi tửu, ngầm mưu tôn phò Ứng Đạo. Lấy Hữu quân Tôn Thất Cúc làm nội ứng. Đoàn Hữu Ái xuống tóc đi tu, ngầm móc nối với trụ trì chùa *Long Quang* là Nguyễn Văn Quý. Lấy chùa *Pháp Vân* làm cứ điểm. Tham dự có 4 suất đội, 1 đội trưởng, 2 sư, Nguyễn Văn Vũ, người làng Dã Lê, lính Vũ lâm Lê Văn Tề.

Họ vận động được khoảng 600 binh đang phải khổ nhọc vì thái độ hà khắc của Nguyễn Văn Chất. khi xây dựng Vạn Niên Cung, tức lăng tẩm trong tương lai cho Hường Nhiệm, ở Dương Xuân, tham gia cuộc chính biến. Đa số chỉ trang bị bằng chày giã vôi bằng gỗ, nên có tên Giặc Chày Vôi. Nhờ chương vệ Hồ Oai (Uy) ra sức chống cự, kịp thời ngăn chặn được nhóm binh khi họ tràn vào điện Thái Hòa. Ba anh em họ Đoàn và 10 đồng đảng bị xử lăng trì, bêu đầu. Tôn Thất Cúc tự tử, nhưng xác bị xẻo ra từng mảnh, đầu bị bêu lên. (34)

34. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1975: 53-57.

[Có tài liệu cho là nhóm Đoàn Trung mưu sát Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành; QTCBTY, 1971:332].

Hồ Oai được phong làm đô thống doanh Long Võ, Nghĩa dũng Tử, quản lĩnh thị vệ đại thần, thưởng 10 lượng vàng và nhiều tướng lục khác. Chương vệ Lê Sĩ lên chức Thống chế hữu dực doanh Võ Lâm, Kiến dũng Nam. Phó vệ úy Nguyễn Mỹ được thăng Vệ úy vệ Cẩm binh; và một số người khác đều được thăng thưởng. (Ibid., 31:59-60)

Nhân dịp này, Hường Nhiệm trừ diệt dòng dõi anh cùng cha khác mẹ là Hường Bảo, đã bị mất ngôi vào tay Hường Nhiệm năm 1847. Ngày 17/9/1866, Hường Nhiệm giết toàn gia Đinh Đạo, tức Ứng Phước. Đây là theo lời tâu mật của Thọ Xuân Vương Miên Định. 8 người đều bị thất cổ tức khắc. (35)

35. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1975: 56; LC 1867, p19 ghi là ngày 17/9/1866.

Tùng thiện công Miên Thâm, cha vợ Đoàn Trung, mang con gái và cháu ngoại tới nộp, dâng sớ xin nhận tội. Hoàng Nhiệm vẫn cho giữ chức Tôn nhơn phủ. Sau đó, chỉ thị cho Miên Thâm, Miên Trinh chấn chỉnh con cháu Tôn thất. (36)

36. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1975: 100-101.

Theo Lagrandière, sau khi từ Pháp trở lại Sài Gòn, có người hỏi ý kiến v/v đảo chính Hoàng Nhiệm, nhưng Lagrandière không bày tỏ thái độ rõ ràng. (37)

37. SHM (Vincennes), BB4 876, báo cáo của Lagrandiere ngày 29/10/1866; TBCần, 2002:44-45.

Chỉ nguyên vụ án Đình Đạo này khiến những lời ca ngợi Hoàng Nhiệm của Thân Trọng Huệ, được trích lại trong *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim trở thành vô nghĩa.

V. CƠN MỘNG DU ĐỔI MỚI & NGOẠI GIAO:

Thời gian này, Hoàng Nhiệm và các đại thần—đặc biệt là Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ—đang lạc vào một cơn mộng du đổi mới và ngoại giao. Từ năm 1863, Trần Tiễn Thành đã tiếp xúc với nhóm Nguyễn Hoằng, Nguyễn Trường Tộ, hai đệ tử hầu cận Gauthier, đang tị nạn ở Sài Gòn, rồi Quảng Bình. Với tham vọng được đánh giá như biết tiến cử người hiền, Trần Tiễn Thành—một người Việt gốc Hoa—từng tiến cử với Hoàng Nhiệm Nguyễn Văn Tường (1810-1886)—người đã dự thi với họ Nguyễn Phước, nên bị cách tuột, cấm thi trọn đời. Nhờ sự giới thiệu của Thành, Tường được dự thi, và trúng tuyển. Khi Giặc Chày Vôi bột phát, Tường đang giữ chức Phủ Doãn Thừa Thiên. Bị kết tội bất cẩn, thiếu kiểm soát, nhưng Tường chỉ bị cách lưu. (38)

38. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974:57; Chính Đạo, *VNNB, tập III: Nhân Vật Chí* (1997), tr 409; Sớ ngày 8/10/1875 của Tường; CAOM (Aix), GGI, Amiraux 12774.

Năm 1863, Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành từng sử dụng Phó tế Nguyễn Hoằng, người Hương Sơn, Diễn Châu, Nghệ An, làm thông ngôn cho phái đoàn qua Pháp. Từ năm 1864-1865, Thành tiến cử một nhân vật khác, tự hào thâu tóm được nguyên lý trời đất suốt 500 năm qua, trên thông thiên văn, dưới hiểu địa lý, giữa biết rõ lòng người, tức Nguyễn Trường Tộ—một đạo đồ khác của Gauthier, gốc Giáp Đoài, Kim Liên, Nghệ An.

Cho đến đầu thế kỷ XXI, thân thể Nguyễn Trường Tộ vẫn còn nhiều ẩn số. Không một tài liệu khả tín nào về thuở thiếu thời cùng học vấn Tộ được tiết lộ. Chỉ biết Tộ có số vốn chữ Hán và Pháp đủ khả năng để tham dự phái đoàn thông ngôn của Đô Đốc Charner năm 1861, khi Nguyễn Bá Nghi được cử làm Khâm sai toàn quyền điều đình với Charner sau ngày Lũy Kỳ Hòa thất thủ. Theo Trường Tộ, thời gian này, Tộ từng gửi thư cho Bá Nghi, khuyên nhủ nên hòa hiếu với Pháp—vì Pháp là nước hùng cường nhất. Sau khi Louis A Bonard thay Charner, vì chủ

trung hợp tác hơn đồng hóa, Bonard chỉ tin dùng Aubaret cùng các thông dịch viên gốc Hoa khi thương thuyết với Giản, Thiếp, và Thứ. Bởi vậy, các nhà truyền giáo không biết gì về nội dung hòa ước 5/6/1862. Các Giám Mục đã phải xin giấy giới thiệu của Palanca để gửi ba linh mục ra Huế tìm hiểu sự thực. Phần Tộ được giao phụ trách việc xây dựng một chủng viện cho các nữ tu và trẻ mồ côi tại đường Cường Để (Tôn Đức Thắng hiện nay). Có lẽ qua Nguyễn Hoàng, Tộ duy trì được liên hệ với nhóm Giản, Thành và Thứ. Từ 1863 tới 1870, Tộ gửi đến Tiễn Thành năm bản điều trần, đưa ra những kế hoạch duy tân [đổi mới], dựa trên Hội truyền giáo Pháp. Việc bổ nhiệm Nguyễn Hoàng làm quan thông ngôn cho triều đình từ tháng 7-8/1866 phần nào khiến Tự Đức chú ý đến Tộ. (*ĐNTLCB*, IV, q XXXIV, 31:1866-1869, 1974:41)

Vì đang khổ sở, vất vả để giao nộp món tiền bồi thường chiến phí cho Pháp và Espania, Hương Nhiệm rất thích thú với đề nghị khai hoang và tìm mỏ mà Tộ đề nghị. Bởi vậy, dù không bị lời ca ngợi “tạo vật,” tức Thượng đế, đã khai sinh ra vạn vật khoảng 7,000 năm trước của Tộ, phần nào do lời khuyên của Trương Đăng Quế là nên tìm người hiền, mùa Hè 1866, Hương Nhiệm đã sử dụng Tộ trong kế hoạch đi tìm mỏ ở Hải Dương cùng Hồ Văn Long (*IV*, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:33 [12/6-10/7/1866]), rồi cho Tộ và Nguyễn Điều theo Gauthier qua Pháp thuê nhân tài và mua sách vở về lập trường Quốc Học ở Huế. Tháp tùng có hai cận thần của Hương Nhiệm là Nguyễn Tăng Doãn và Trần Hiến Đạo. (39)

39. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974: 57 [8/9-7/10/1866]. [Ngày 17/8/1866, cùng Gauthier tới Huế; 3/9/1866, vẫn khuyên vua nên hòa với Pháp; TBCần, 2002:45] 15/9/1866. Rời Huế vào Sài Gòn. Từ 17/9/1866 đến 10/1/1867, đợi tàu ở Sài Gòn. Gauthier khuyến khích Lagrandiere cứ tiến tới; báo cáo ngày 29/10/1866; SHM (Vincennes), BB4 876; TBCần, 2002:46-47. Nguyễn Trường Tộ thì tiến cử “Di Minh;” nhưng không thấy nhân vật kỳ bí này xuất hiện. Ngày 25/11/1867, Hương Nhiệm cho lệnh về nước. Ngày 29/2/1868, về tới Huế; 7/4/1868: Gauthier về Nghệ An; 18/4/1868: Tộ về Nghệ An. Ngày 31/1/1871, tới Huế lần thứ hai, bàn việc đánh úp Pháp, chiếm lại 6 tỉnh miền nam [thư ngày đầu tháng 11 Tự Đức 23; tờ trình của TT Thành ngày 23/12/1870; TBCần, 2002:66-67. Ngày 22/11/1871, chết.

Hương Nhiệm cũng có ý định nhờ Gauthier thảo luận với triều đình Napoleon III một hiệp ước mới, nhưng Gauthier từ chối. Gauthier vốn không hoàn toàn tin tưởng Hương Nhiệm, và nghi ngờ hai đại thần Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình. Tri Phương mới từ Bắc Kỳ trở về, sau khi dập tắt giấc mơ Bắc Kỳ tự trị của Puginier và Gauthier. Chẳng những làm lễ đón tiếp linh đình, khi Phương vào châu, vua cho ngồi, sau phong Phương làm Võ hiền đại học sĩ, Thượng thư Bộ Binh, kiêm hải phòng sứ; sung Cơ Mật viện đại thần. Võ Trọng Bình làm thự Hiệp biện Đại học sĩ, Thượng thư Bộ Lại, Cơ mật viện đại thần. Trần Tiễn Thành đổi làm Thượng thư Bộ Công; phụ tá Phương lo việc hải phòng sứ. Nguyễn Văn Phong, nguyên Thượng thư bộ Lại, đổi nắm bộ Lễ. Phan Huy Vịnh nắm bộ Hình. (40)

40. *DNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1975: 58-59, 75-77.

Tuy nhiên, ngoài danh vọng một cựu Phụ chính đại thần, và một lão tướng từng trải khắp ba chiến trường Nam, Trung, Bắc, Nguyễn Tri Phương không được mẹ con Hoàng Nhiễm đánh giá cao. Một trong những lý do là Nguyễn Tri Phương thất trận Kỳ Hòa, làm mất ba tỉnh miền nam. Công lao dẹp thổ phỉ Thanh và giặc bể Ki-tô “Lê Duy Phụng” chỉ vừa đủ chuộc tội cũ. Trở lại kinh đô, thoát tiên Phương còn được nể vì, can gián việc các quan bớt xách nhiều dân công xây Vạn Niên Cung,⁽⁴¹⁾ hay nặng nề chỉ trích mưu định cho thuê đất làm giàu tại ở ba cửa biển Quảng Yên, Ba Lạt và Đà Nẵng sẽ mở ra theo Hiệp ước 1862. ⁽⁴²⁾

41. *DNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974: 61-62 [10-11/1866].

42. *DNTLCB*, IV, XXXIV, 31:1866-1869, 1974:37-40.

Nhưng quan điểm bài chống Ki-tô, coi giáo dân Ki-tô “tai mắt cho người Tây dương,” đi ngược lại chủ trương cầu hòa của mẹ con Hoàng Nhiễm, và liên minh Phan Thanh Giản—kinh lược ba tỉnh miền tây Nam Kỳ—cùng Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ, v.. v..

Thí dụ như lời phê bình của Nguyễn Tri Phương năm 1962 về ảo vọng sẽ giàu có sau khi hòa với Pháp mà nhóm Giản-Thành cao rao khiến Hoàng Nhiễm không hài lòng, gạn hỏi tại sao Phương không nêu lên với nhóm chủ hòa. Rồi đến việc Phương chống đối chính sách thu thuế thầu bán thuốc phiện để có tiền bồi thường chiến phí cho Pháp và Espania, cùng việc cung cấp lương thực, chiến phí cho các đạo quân Thanh qua Bắc Kỳ dẹp thổ phỉ cùng hải tặc khiến Hoàng Nhiễm cho là cứng đầu, xa cách dần.

Thời gian này, triều đình Huế không chỉ có miền Nam để phải quan tâm. Từ thập niên 1850, thổ phỉ Thanh từ Vân Nam và Quảng Tây kéo qua tàn phá vùng thượng du Bắc Kỳ. Các thành Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn nhiều lần xin cầu viện. Thành Cao Bằng ba lần thất thủ. Trong khi đó thổ phỉ và hải tặc người Việt—mà đa số là giáo dân Ki-tô được Pháp xúi dục mở trận tuyến thứ hai làm suy yếu triều Nguyễn—cũng liên tiếp hoành hành ở vùng châu thổ và duyên hải. Thiên tai, vỡ đê, dịch lệ lan tràn. Đói kém xảy ra khắp nơi. Nếu quả có sự tương ứng giữa trời và người, thiên mệnh của Hoàng Nhiễm tại miền bắc đã khankh kiệt từ lâu, trước ngày lái súng Jean Dupuis và Hải quân Thiếu tá Francis Garnier lộng hành.

Quân phí chống tặc phỉ tại miền Bắc (kể cả quân lương cho Thanh binh và tiền thuê tàu Thanh [9,000 lạng bạc 1 tháng]) là mối lo lớn. Không những ngân khố các tỉnh vơi hụt, mà hầu bao, vựa lúa của nông dân bị soi móc đủ kiểu. Hoàng Nhiễm chấp thuận mọi biện pháp tăng thu—tăng thuế ruộng đất, linh động lệ quyên góp, kể cả hoàng thân, công tử, bán phẩm hàm, chức tước, cho dùng tiền chuộc tội. ⁽⁴³⁾

43. *DNTLCB*, IV, XXX, 30:105, 149-150 [**Tháng 8/1864 [7 Giáp Tí, 2-31/8/1864]**: thuê thuyền Thanh], 30:99, 111 [lạc quyên], 30:118-119 [lạc quyên hoàng thân], 30:121-124 [bán phẩm hàm, chức tước], [chuộc tội].

Tháng 9/1864 [8 Giáp Tí, 1-30/9/1864]: Nam trực (Quảng Nam-Quảng Ngãi) và Tả kỳ (tới Bình Thuận) thiếu gạo [do việc phong tỏa kinh tế của Pháp?]. Bắt quyên thóc gạo. Cứu phẩm bá hộ ở Quảng Bình không chịu nộp, đánh 100 trượng trước đình. Phải nộp 8,000 quan mới tha. (30:111)

Lỗ hổng lớn nhất của ngân khố là khoản “bồi thường chiến phí” Pháp và Espania đánh chiếm Đại Nam lên tới 400,000 Mỹ Kim hay 2,880,000 lạng bạc một năm. Mỗi năm trả hai lần. Năm 1862 và 1863, còn thiếu 5,049 đồng. Năm 1864 thiếu 200,000 đồng. Để có đủ tiền trả nợ năm 1865, vua phải mang vật dụng bằng bạc trong kho ra đúc nén. Lại sai Trương Văn Uyển vào Nam thu góp vàng bạc, nấu chảy cả hai pho tượng Phật cổ của Cấm Bót bằng vàng, đổ thành nén.

Từ năm 1865, Bộ Hộ cho Hoa thương nhập cảng thuốc phiện để đánh thuế. Thuế thuốc phiện trở thành một nguồn thu quan trọng. Trong năm 1865 thu được tổng số 382,000 quan. Ba tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên thu được cao nhất, 264,000 quan. Nam Định, 21,000 quan, Bình Thuận 20,000 quan, Hà Nội 17,000 quan. Phú Yên mỗi năm 5,000 quan. (35:31), v. v... (44)

44. *ĐNTLCB*, IV, XXX, 30:105, 149-150, 163-164.

Năm 1881. Thuế thuốc phiện thu được tăng lên tới 595,500 quan (35:31) [Tháng 28/5-25/6/1881 [5 Tân Tị, 28/5-25/6/1881] Hầu Lợi Trinh, lái buôn Hoa, trúng thầu thuốc phiện. Thuế cho cả ba năm là 1,786,500 quan. Được phép thu thuế từ Quảng Trị tới Bắc Kỳ, ngoại trừ 5 tỉnh Tuyên, Cao, Lạng, Thái và Hưng Hóa. Tăng thêm được 527,300 quan. (45) 45. *ĐNTLCB*, IV, 35:31.

Nhưng vì “đức ý” của triều đình, Hán Văn Đế ở Huế thỉnh thoảng lại ra lệnh cấm hoàng thân, quan chức, quân đội, và rồi cử nhân, tú tài không được “yên sĩ phi lí thuần.” (45)

45. *ĐNTLCB*, IV, 32:298-299 [Tháng 6 Quý Dậu, 25/6-23/7/1873: cử nhân, tú tài phải bỏ thuốc phiện trong vòng 1 năm].

Vua và các đình thần bắt đầu suy nghĩ về lời khuyên—thực tế, dù phũ phàng—của thông ngôn Tôn Thọ Tường là nếu thiếu tiền, nên cắt ba tỉnh miền Tây cho Pháp để trả nợ [30:234-35]. (46)

46. *ĐNTLCB*, IV, XXIX, XXXII, 30:1863-1865, 1974:94-5, 180, 234-236.

Bởi vậy, trong mùa Thu 1866, Tự Đức và đình thần nhiều lần bàn luận nên hay không nên cắt thêm ba tỉnh miền Tây. Người muốn chỉ cắt thêm tỉnh Vĩnh Long, nếu cần, giữ lại An Giang và Hà Tiên. Người đề nghị trao đổi ba tỉnh miền Tây lấy ba tỉnh miền Đông ; mở thêm 3 cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt (Nam Định) và Quảng Yên ; và Pháp sẽ bỏ tiền bồi hoàn chiến phí, giúp đánh hải tặc. Nhưng đa số đều nghĩ rằng không thể chống giữ, nên tự nguyện triệt thoái giai đoạn, rút về Bình Thuận; rồi tùy theo phản ứng của sĩ dân miền Nam mà định liệu. Cần chuẩn bị kế hoạch đưa nghĩa dân miền Nam ra Bình Thuận-Khánh Hòa lập nghiệp. (47)

47. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974:65-67, 71 [500 người miền Nam lập nghiệp ở Thuận-Khánh].

Cuối cùng, Hoàng Nhiệm quyết định giao cho Phan Thanh Giản tùy quyền hành động, “nếu nhường, nên châm chước cốt cho được hòa bình.” Từ đầu năm 1866, Phan Thanh Giản đã vào Vĩnh Long với chức Kinh lược sứ miền Tây, cùng mật chỉ duy trì liên hệ thân thiết với soái phủ Pháp để xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông, bằng giá nào cũng được, hy vọng rằng “một lời mạnh hơn 10,000 quân.” (48)

48. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1975: 65, 66-67.

Nhưng tuổi đã trên 70 và chủ trương cầu hoà, Phan Thanh Giản cũng chẳng có một chuẩn bị nào để phòng thủ phần đất còn lại.

Thái độ của triều đình Huế không khiến người Pháp “động tâm” như Hoàng Nhiệm hy vọng và ảo vọng. Ngày 14/10/1866, Lagrandière sai Paulin Vial [Vy An] và Le Grand de la Liraye [Dương] ra Huế bàn thảo tân ước. Đòi lấy thêm ba tỉnh miền Tây Nam Kỳ (An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long). Vua sai Phan Huy Vịnh và Phạm Phú Thứ đến bàn thảo. Vial đe rằng nếu vua không thuận, sẽ có chiến tranh.

Ý kiến đình thần trái ngược nhau. Người cho rằng nếu cần nhượng ba tỉnh cho Pháp, đổi lại, bỏ tiền bồi thường chiến tranh, bỏ việc mở các cửa biển miền Bắc, bỏ việc đặt Lãnh sự.

Viện Cơ Mật chủ trương đánh, nếu đánh không lại, rút về giữ Bình Thuận, rồi cho sĩ dân miền Nam kháng chiến. Vua không có quyết định, vì trước khi vào Vĩnh Long, Phan Thanh Giản đã mật tấu sẽ tìm cách thuyết phục Tướng Pháp, “một lời bằng 10,000 quân.” (49)

49. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974:66-67.

Nên vua mật chỉ cho Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển lo liệu. “Nếu nhường nên châm chước cốt được hòa bình, tính kỹ mật tâu lại.” (50)

50. *ĐNTLCB*, IV, q XXXV, 31:1866-1869, 1974: 64-65.

Tháng 11/1866, Hoàng Nhiệm lại thúc dục Phan Thanh Giản thương thuyết, nhưng không đạt được kết quả.

Ngày 19/1/1867, Đô Đốc Rigault de Genouilly—người cầm đầu cuộc biểu dương lực lượng 1858-1859—thay Chasseloup-Laubat làm Bộ trưởng Hải quân & Thuộc địa. Dưới ảnh hưởng của Hội Truyền Giáo và các nhà doanh thương, và nhất là mối quan tâm trước sự bành trướng ảnh hưởng của Bri-tên tại Đông Nam Á, Rigault chấp thuận cho Lagrandière đánh chiếm ba tỉnh còn lại ở miền Nam.

Đề tạo cơ hội động binh, tháng 2/1867, Lagrandière sai Monet de Lamarck tới Huế lập lại đòi hỏi ký một hoà ước bảo hộ và cắt nhượng thêm ba tỉnh miền Tây. (51)

51. *ĐNTLCB*, IV, q XXXVI, 31:1866-1869, 1974:111;

Báo chí Sài Gòn cũng bắt đầu chiến dịch cổ võ nhu cầu chiếm trọn miền Nam. Từ *Courrier de Saigon*, chẳng hạn, cả quyết rằng dân Annamite—thuật ngữ do các giáo sĩ sáng tạo, xuất xứ từ tên An Nam Đô hộ phủ, hay An Nam Đô thống sứ ty—rất tri ơn và không chút ngần ngại đứng sau lưng chính nghĩa *khai hóa*.(52)

52. *Courrier de Saigon [CS]*, 5/5/1867.

Việc chiếm đóng ba tỉnh miền Tây, vẫn theo báo này, rất được tán thưởng vì đó sẽ là bước khai hóa mới cho những sắc dân bị cô lập và ít biết đến nhất ở Á châu, sẽ mang lại hòa bình cho các nước láng giềng, cũng như bảo đảm an ninh cho các thương gia. (53)

53. *Ibid.*, 5/7/1867.

Trong khi Phan Thanh Giản tìm cách thương nghị, ngày 20/6/1867, Lagrandière tự động chiếm Vĩnh Long (20/6/1867), rồi An Giang (21/6/1867), và Hà Tiên (24/6/1867). Phan Thanh Giản hạ lệnh giao thành. (54)

54. *ĐNTLCB*, IV, XXXVI, 31:1866-1869, 1974: 133-135;

Ngày 25/6/1867, Lagrandière có thể kiêu hãnh tuyên bố rằng Nam kỳ sẽ được vinh dự khai hóa bằng “một nền văn minh dựa trên Ki-tô giáo, công lý và sức mạnh.” Khước từ vinh dự ấy, ngày Chủ Nhật 4/8/1867, Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử. (55) Trước khi tự kết liễu đời mình trong danh dự—tức chết theo thành có trọng trách bảo vệ—Phan Thanh Giản cẩn thận nộp số báo đã giao số gạo bù vào số tiền 1 triệu đồng bồi thường năm đó, cùng mũ áo, ấn triện. Sau đó nhin ăn mà chết. (56)

55. Nguyễn Duy Oanh, *Chân dung Phan Thanh Giản*, 1974:297.

56. *ĐNTLCB*, IV, XXXVI, 31:1866-1869, 1974:134).

* Bắc Kỳ: Quân thổ phỉ Ngô Côn, từ Quảng Tây tràn vào Bắc Việt.

* Bình Thuận: Dời bọn Phan Trung về Khánh Hòa, Bình Định, Phú Yên. Do áp lực của Pháp. Vì Phan Trung và thuộc hạ phần lớn đều chống Pháp tại Nam Kỳ. (*ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974: 61).

[CBTĐ, TĐ XXIII [6/7/1871], CB:90-94). 16/7/1871: Bộ Hộ trình lên là mới chỉ thu được 37 vạn quan, trong khi chiến phí lên tới 58 vạn quan (CBTĐ, CBTĐ, TĐ XXIV:219-224)].

VI. PHẢN ỨNG VỀ VIỆC MẤT NAM KỲ:

Việc Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây và cái chết của Phan Thanh Giản khiến triều đình Huế—dù đã dự đoán được hậu quả—rơi vào tình trạng bại liệt, khủng hoảng.

Tháng 7/1867, thân phiên, hoàng thân triều thân Nguyễn họp, đề nghị cử sứ đoàn vào Sài Gòn điều đình việc giao trả những quan chức còn mắc kẹt ở miền Nam; và xin miễn trả chiến phí vì đã nhượng cả sáu [6] tỉnh cho Pháp. (56)

56. *CBTD*, TĐ XX, 4-7, CB 295:113-118. [2003:135-136]; *CBTD*, [no date] XX, 4-7, CB 295:113-18).

Sau khi nghe Phan Huy Vịnh thuật lại nội dung một buổi mạn đàm với một viên chức Pháp—là sở dĩ phải chiếm ba tỉnh miền Tây vì các quan lại đã yểm trợ cho các toán nghĩa quân kháng Pháp, và muốn thương thuyết, phải nói chuyện với chính phủ ở Paris—hôm sau triều thần đổi ý. Ngày 10/7, họ đề nghị cho người vào nhờ soái phủ Pháp giúp phương tiện qua Pháp điều đình hiệp ước mới. Hoặc, nếu Pháp đồng ý đổi Căm Bốt và ba tỉnh miền Tây lấy ba tỉnh miền Đông thì không cần phải qua Pháp nữa. (57)

57. *CBTD*, 9/6 TĐ XX [10/7/1867], 4-7, CB 295:127-157. [2003:136]

Nhưng Hường Nhiệm và triều thần chẳng có một sách lược nào rõ ràng. Trong bản văn mộ bia Khiêm Cung vào tháng 8-9/1867 [8 Đinh Mão], vua giải bày tâm trạng như sau:

Biết người không tinh là tội ở trăm; dùng người không xứng, cũng là tội ở trăm, phạm mọi việc làm không nên, đều là tội ở trăm. (58)

58. *ĐNTLCB*, IV, XXXV, 31:1866-1869, 1974: 157. Xem Phụ Bản I.

Khoảng 4 tháng sau ngày Pháp chiếm miền Tây. ngày 20/10/1867, Hường Nhiệm xuống chiếu, tuyên bố:

Việc sáu tỉnh Nam Kỳ . . . do trăm không biết tính xa, không biết dùng người, chỉ biết tự trách, thẹn hồi vô cùng [Nam kỳ lục tỉnh chi luân hãm cố do trăm muội quyết viễn đồ, dụng phi kỳ nhân, thân tự hận trách, thống hồi nan truy].” (59)

59. Chiếu đề ngày 24/9 Bính Dần [Tự Đức XX], 29/10/1867); *QTCBTY*, q5; Theo *ĐNTLCB*, tháng 9 Đinh Mão [28/9-26/10/1867] Hường Nhiệm sai đình thần bàn nghị về công và tội của các quan tướng phụ trách mặt trận Gia-định; *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 168-69. Nhưng tháng 11 Mậu Thìn [14/12/1868-12/1/1869] mới ra án. Trương Bá Cần, “Thái độ của triều đình Huế với Phan Thanh Giản từ vua Tự Đức đến vua Đồng Khánh;” *Sử Địa* (Sài Gòn) số 7-8 (1967), tr. 157;

Hơn một năm sau, khi luận xét về công tội của các quan tướng như Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, v.. v..., vua vẫn ngâm ngùi than thở:

Trăm vì bạc đức, không biết tính xa, dùng người sai lầm, rất tự thẹn hồi, trăm quan các người, lương tâm chưa mất, há chẳng đau lòng? Mất buổi sớm, thu lại buổi chiều, trăm đương ngày đêm mong mỏi. Các bề tôi của ta chịu ơn như thế nào? Báo đáp ra sao? Điều tự nghĩ lấy, đừng chỉ nói xuông để tắc trách. (60)

60. *ĐNTLCB*, IV, 31:1866-1869, 1974: 270 [Tháng 11 Mậu Thìn [14/12/1868-12/1/1869].

Sự nhu nhược của triều Nguyễn khiến các hào kiệt miền Nam đành phải tự động mộ binh khởi nghĩa. Lùng lẫy nhất là lực lượng của Nguyễn Trung Trực. Ngày 16/6/1868, với sự nội ứng của một số hạ sĩ quan lính tập, Nguyễn Trung Trực đánh chiếm được đồn Rạch Giá, giết chết 30 người Pháp. Nhưng năm ngày sau, 21/6, viện binh Pháp từ Vĩnh Long kéo tới, tái chiếm Rạch Giá. Tham dự cuộc hành quân này có Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương), Huỳnh Công Tấn (Đội Tấn), Trần Bá Lộc (Phủ Lộc), dưới quyền Trung tá Ansard. Nguyễn Trung Trực phải chạy ra Hòn Chông, rồi Phú Quốc. Trung tuần tháng 8/1868, quân Pháp vây đánh Phú Quốc. Nguyễn Trung Trực phải hàng, rồi bị xử bắn ngày 27/10/1868 tại Rạch Giá.

Năm 1869, thuộc hạ cũ của Trương Định cũng phò con trai ông là Trương Huệ, liên kết với Căm-Bốt và Lào để mưu chiếm thành Gia Định, nhưng không thành công. Mặc dù tinh thần kháng Pháp vẫn còn ập ủ, tiềm tàng trong tâm can người miền Nam, con triều thực dân Âu châu phủ ngập dần sáu tỉnh Nam Kỳ, với đầy đủ những lợi ích và tác hại lẫn lộn. Một số người di tản ra vùng Thuận Khánh, thành lập đồn điền dưới sự hướng dẫn của Phan Trung, con Phan Thanh Giản, hay đăng lính mộ ra Bắc dẹp Thanh phi. Những người ở lại chua chát, cay đắng chỉ trích những kẻ “thà mất lòng anh đặng bụng chông.”

VII. HÒN NGỌC VIỄN ĐÔNG:

Ngày 4/4/1868, Lagrandière lên đường về Pháp nghỉ dưỡng bệnh. Đề đốc Marie G. H. Ohier (4/1868-12/1869) được cử làm Quyền Thống Đốc Sài Gòn. Cuối năm 1869, Paris lại cử Phó Đô Đốc Cornulier-Lecunière làm Quyền Thống đốc. Mãi tới tháng 3/1870, do tình trạng chiến tranh ở Âu châu, Cornulier-Lecunière được chính thức thay Lagrandière.

Vì triều đình Huế đã nhắm mắt nhượng đất cho Pháp sáu tỉnh miền Nam, các viên chức Pháp có thời gian kiện toàn dần tổ chức hành chính thuộc địa.

Theo HQ Thiếu tá Rieunier, trong năm 1862, số tàu Tây phương vào cảng Sài Gòn lên tới 114 chiếc, so với 72 thuyền người Hoa.[p. 2]

9 nước Tây phương có tàu vào Sài Gòn:

Pháp (44), Bri-tên (43), Hambourgeois (7), Mỹ (6), Danois (6), Péruviens (1), Belges (1), Brémois (1), Hollandais (5).[p.2]

1860: 111 Tây phương, 140 Hoa;

1861: 175 Tây phương, 48 Hoa. [p.5]

Xuất cảng: gạo trắng (42470 tấn), cá khô (2430 tấn), muối, da trâu, sừng trâu, chiếu, gỗ đóng tàu, café (750 bao), xà-phòng (192 caisse), v.. ...

Nhập cảng: giấy bản TH, chén tách TH, trái cây khô, áo mưa, mứt, thuốc phiện (260 caisses [75 tàu Tây phương, 185 thuyền TH]) [p.3], dược phẩm (1475 caisses, cả Pháp lẫn TH), áo mưa, bột mì (farine, 3,494 bao), vôi ăn trầu, than đá, than củi, trà, rượu vang, lúa mì [blé], đinh sắt, v.. v...(61)

61. Lieutenant de Vaisseau [Henri] Rieunier, “Commerce de Saigon pendant l’année 1862; *Revue Maritime et coloniale* (Février 1864); reprint edition Challengel, Paris, 1884, 12 trang.[SHM (Vincennes), GG2 44, carton 1]

Đại cương, ở Nam Kỳ lúc đó có ba nhóm cộng đồng Việt khác nhau. Nhóm người Việt thuần túy, người Việt gốc Hoa, và người Việt gốc Khmer. Khởi đi từ nhu cầu mở rộng vòng đai kiểm soát các vị trí đóng quân và chốt chặn các trục lộ giao thông, cùng bảo đảm hệ thống cung cấp lương thực, nhân công của Jauréguiberry, Charner hay Bonard, Lagrandière và người kế vị tìm cách kiểm soát các cộng đồng người Việt để khai hoá các tài nguyên địa phương và biến Nam Kỳ thành thị trường của hàng hóa Pháp.

Để kiểm soát và cai trị người Việt thuần túy, các quan chức Pháp sử dụng nhóm thiểu số tham vọng từ khối giáo dân Ki-tô hoặc những thành phần tệ đoan xã hội. Phần đại đa số thâm lặn—tức khối nông dân—được quay mặt làm ngơ, miễn hồ chịu sống hiền lành, ngoan ngoãn trong khuôn khổ trật tự mới. Việc mở mang hải cảng Sài Gòn và các cơ sở thương mại cũng lôi kéo về Sài Gòn những di dân từ bốn phương, tạo nên hai giai tầng xã hội mới: đó là thị dân và nhân công. Sự xuất hiện của hai giai tầng này đánh dấu một giai đoạn mới cho sự phân biến của xã hội cổ truyền Việt, từ một xã hội nông nghiệp tiến sang một xã hội thuộc địa kinh tế.

Với những người Việt gốc Khmer, quan chức Pháp cũng áp dụng một chính sách tương tự, ngoại trừ việc khích động lòng thù hận người Việt. Những truyền thuyết như quan tướng Việt dùng người Miên làm “bếp nhau” hay cho lệnh chôn sống hàng chục ngàn nhân công Khmer sau khi hoàn tất việc đào kinh Vĩnh Tế vào cuối triều Gia Long, đầu triều Minh Mạng được lưu truyền trong dân Khmer. (62)

62. Đáng ghi nhớ là Mao Trạch Đông đã hết lời ca ngợi chính sách “cấp duồn của Lon Nol và Khmer Đỏ trong thập niên 1970. Hồi ký của vua Norodom Sihanouk cung cấp nhiều chi tiết về những tội ác chống nhân quyền và diệt chủng của Khmer Đỏ.

Các cộng đồng người Hoa được đặc biệt chú ý. Nỗ lực tái tổ chức cộng đồng người Hoa đã bắt đầu từ năm 1859. Đầu tháng 12/1859, thành phần lãnh đạo người Hoa ở Sài Gòn như sau: Thị trưởng: Pan Kingsing, lãnh tụ Hoa kiều; Phụ tá: Shoo Siong, Shoo Khee, Shoo Kok, Shoo Kian, Shoo Sek, Soo He, Shoo Siam, Phoo Chiang, Phoo Joan, Phoo Pow, Phoo Kin, Phoo Jan; Ủy viên (commissaires): Lee It, Jan Gnoh, Kly Knie, Chin Yek, Liang Khu, Kin Khee. (63)

63. Document 12; GG2 44:3, d.5.

Ngày 29/12/1859, Page bổ nhiệm Trung úy Borès làm Giám đốc Trung Hoa và Việt vụ. Có một ủy ban (magistrat) gồm 8 người (4 Việt, 4 Hoa) phụ tá. Hơn một tháng sau, ngày 13/2/1860, Jauréguiberry ra sắc lệnh số 6, thiết lập một hội đồng (conseil) đại diện người Hoa. Hội đồng này gồm 6 người, dưới sự quản trị

của Giám đốc An-Nam vụ (Directeur des Affaires annamites). Chủ tịch: Phoo Tac; Xuân, Phó, đặc trách Sài Gòn; Phoo Kok và Phoo Tien (phụ trách cư dân ở Sài Gòn); và, Phoo Troung, Phoo Ky (phụ trách tàu bè). (64)

64. SHM (Vincennes), GG2 99, carton 2.

Từ đó, Hoa thương, nhờ mạng lưới kinh tế, tài chính và thương mại khu vực, tiếp tục thống trị nền kinh tế Đại Nam. Họ cũng có những tổ chức bí mật như Nghĩa Hoà Đoàn, Thiên Địa Hội, rồi Quốc Dân Đảng và “Cộng Sản,” ảnh hưởng rất lớn trong các bang và hội.

Nhận hiểu tầm quan trọng của Hoa thương và người Việt gốc Hoa, các quan chức Pháp duy trì họ ở cương vị trung gian kinh tế. Chợ Lớn trở thành trung tâm thương mại và kinh tế của toàn miền Nam. Tại các tỉnh, người Hoa thống trị việc mua bán thóc lúa và hệ thống cửa hàng “tạp hóa,” kể cả những tiệm tạp hóa nổi trôi trên kinh rạch, hay ghe thuyền bán nước ngọt. Họ còn nắm độc quyền khai thác thuốc phiện và cờ bạc. (65)

65. Năm 1865, khi Hoàng Nhiệm bắt đầu cho đấu thầu thu thuế thuốc phiện, Soái phủ Sài Gòn mỗi năm thu được 90,000 đồng Mỹ-Tây-Cơ về thuế thuốc phiện tại ba tỉnh miền Đông.

Trên đỉnh của hình tháp xã hội miền Nam là một thiểu số quan chức, binh sĩ, giáo sĩ, cùng những người Pháp ưa phiêu lưu, mạo hiểm vào khoảng trên 10,000 người. Phần lớn được hưởng những ưu quyền luật pháp, hành chính cũng như kinh tế. Một người Pháp bị phạm tội chỉ bị xét xử theo luật Pháp. Các chức vụ quan trọng trong công sở đều dành riêng cho người Pháp. Thương gia Pháp nắm giữ độc quyền việc xuất/nhập cảng, chỉ dành cho người Hoa những ngành hoạt động thứ yếu trong mạng lưới Hong Kong, Singapore, Sài Gòn. Người Pháp sống trong những căn nhà đẹp đẽ nhất, di chuyển trên những chiếc xe sang trọng nhất, xây dựng nên những khu phố Tây khang trang, với những tiệm tạp hóa [*bazaars*], tiệm ăn, quán rượu, v.. v... dành riêng cho giai tầng cai trị thuộc địa. Trẻ em được theo học những trường đầy đủ tiện nghi. Mỗi gia đình đều có những anh bồi, bếp, chị hai, ba. Mỗi viên chức hay quân nhân đều có thể có một người vợ bản xứ, thường gọi là “me Tây.” Ngay các nhà truyền giáo cũng có vài người hầu được gọi tôn lên là “chú.” (66)

66. Xem BAVH, Vol. VII, No. 3 (7- 9/1920), tr. 367, chú 2.

Tuy nhiên, việc chiếm đóng Nam Kỳ hãy còn trong tình trạng tạm bợ, nền hành chính đại cương mang sắc thái quân quản. Mỗi Đề đốc hay Phó Đô Đốc có những sở thích và quyết định tại chỗ biến thiên đầu đó giữa hai đối cực lý thuyết “đồng hoá” và “hợp tác.” Mãi tới ngày 21/4/1869, Pháp mới thành lập Hội đồng tư vấn (*Conseil Privé*), dưới sự chủ tọa của Thống đốc Nam kỳ. Hội đồng này gồm 3 ủy viên: Tổng Biện lý (*Procureur Général*), đặc trách về luật pháp; Giám đốc Nha

Nội Chính; và Giám đốc Điều hành (*Ordonnateur*), người chịu trách nhiệm về tài chính và liên hệ với Bộ Thuộc Địa).

Những năm cuối thập niên 1860, nhiều người Pháp, kể cả Lagrandière, bắt đầu có ý định thôn tính luôn toàn cõi Đại Nam. Nhưng tình hình căng thẳng ở Âu Châu—đưa đến cuộc chiến Pháp-Prussia [Phổ], chấm dứt chế độ quân chủ ở Pháp năm 1871—khiến người Pháp chẳng dám phiêu lưu mạo hiểm hơn nữa, mà phải lo phòng thủ Nam Kỳ cùng Cambodge trước những hiểm họa bất ngờ có thể xảy ra từ phía Bri-tên. Phải tới thập niên 1870, và nhất là từ khi Charles Le Myre de Vilers được phái qua Nam Kỳ làm Thống đốc dân sự đầu tiên năm 1879, người Pháp mới có những chính sách rõ ràng hơn về việc khai thác Nam kỳ nói riêng và Đông Dương nói chung.

Cách nào đi nữa, từ năm 1867, sáu tỉnh Nam Kỳ đã bị phóng vào quỹ đạo “thực dân,” tách biệt hẳn với triều đình Huế. Mặc dù mãi tới năm 1874, Tự Đức mới chính thức cắt trọn Nam Kỳ cho Pháp, miền đất này đã đi tiên phong trong một cuộc tiến hóa sâu rộng khó tránh của đất nước và dân tộc Việt.

Phụ Bản:

Bản án các quan thua trận Pháp ở Nam Kỳ:

Đình thần tâu dâng 2 tập nghị xử, nghị phong về công tội của bọn Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi, Vũ Trọng Bình.

(Trước đã giao nghị xử về tội lỗi ở Nam Kỳ của bọn Nguyễn Tri Phương, Vũ Trọng Bình 20 viên, gần đây lại giao nghị phong về quân công ở Bắc Kỳ của bọn Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi). Vua cho là nghị chưa được sáng suốt, chính đáng; bèn mới quyết định, dụ rằng:

Việc đất đai ở Nam Kỳ đến nay nói đến khiến người ta giận bực không thể nói xiết. Xét về nguyên ủy, thì giữ đánh lỗi thời, hỏng ngay từ đầu, nghị hòa khinh thường bỏ mất, hỏng ở quãng giữa, vâng lệnh đi sứ bất lực, hỏng ở quãng sau, lần lựa cầu thả, hèn kém, mất ở sau cùng, trong đó sự thể có khó, dễ, tình tội có nặng, nhẹ, nên phải phân biệt xử trị, cho được sáng tỏ phép nước, khích khuyến tiết tháo người bề tôi.

Vũ hiền điện đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh **Nguyễn Tri Phương** trước sung Tổng thống quân thứ Quảng Nam, đem Nguyễn Thế Hiển cùng đi, mà để Gia Định phòng bị sơ thất thủ, Tôn Thất Hạp, sau tuy thua một trận, còn biết chống giữ, Nguyễn Tri Phương cùng Phạm Thế Hiển lại đến, vội tính, thất sách thua to, nên lan tràn khó tính cho đến ngày nay. Tuy sau đánh dẹp ở ngoài Bắc có công, chưa đủ đền được lỗi trước, nhưng biết sợ hãi, hăng hái lập công, còn hơn là không có công trạng.

Thự hiệp biện đại học sĩ lãnh Tổng đốc Sơn-Hung-Tuyên **Nguyễn Bá Nghi** lúc sung làm Khâm sai đại thần, Biên Hòa thất thủ, sự thể đã khó khăn mà nghị hòa không quả quyết, để lỡ sự cơ, cũng tại có mọi người giữ ý kiến sai trái không liệu thể lực mà thôi, xét tình và theo pháp luật tội viên này còn nhẹ, sau nhận trọng

trách một địa phương ấy, tuy biết vỗ yên quân dân, nhưng việc ở Tuyên Quang giao cho một mình xử trí, cũng lâu không làm xong, *hai viên ấy miễn cho giáng truật, đã là hậu rồi. Vậy việc trước đã giao cho bàn phong tước, nay đình lại, để cho đều tự nghĩ cố gắng báo đáp.*

Phạm Thế Hiền, Tôn Thất Hạp, sau khi việc xảy ra đều không có công gì đáng xét, chuẩn cho đều *truy đoạt chức hàm, chờ sau khi thu phục sẽ trả lại cho mới đúng.*

Thự Thượng thư bộ Hộ **Phạm Phú Thứ**, bổ chính sứ Nghệ An **Ngụy Khắc Đản** lúc ấy đi sứ tình thế đã khó vãn hồi, vả lại là chức phó, so với Phan Thanh Giản thì tội nhẹ hơn, nhưng không biết hết sức lo toan khôi phục, cô phụ sự ủy thác, cũng khó tha cho cả được. *Phạm Phú Thứ tức giáng làm thự tả tham tri bộ ấy vẫn lãnh chức Thượng thư*, nay đương bắt phải làm cho được việc, để được cùng với 2 quan bộ Binh, bộ Công lập công chuộc tội. Ngụy Khắc Đản là người thổ trước quen thuộc, cai trị hạt ấy lại cũng không được việc, cùng với Tổng đốc An Tĩnh Hoàng Tá Viêm đều không xứng chức. Đáng phải bãi chức ngay, nhưng nay đương bắt làm việc ở biên giới, *Ngụy Khắc Đản, chuẩn cho giáng làm Hồng lô tự khanh vẫn lãnh chức bổ chính sứ, bèn cùng với Hoàng Tá Viêm hết sức làm việc cho xong công việc đã trừ tính ấy.* Hai viên này hiện phải cách lưu, sẽ theo ân chiếu làm việc. Năm nay gặp khánh tiết, ban ơn nên rộng, nhưng án ấy rất quan trọng, trẫm đã châm chước vừa phải, đều nên cố gắng gấp bội để chuộc lỗi trước, dùng người chỉ cầu người cũ, chớ nên coi thường ân huệ mà tự bỏ mình.

Nguyên hiệp biện đại học sĩ lãnh kinh lược sứ **Phan Thanh Giản**, trước đã cùng **Lâm Duy Thiếp** sơ suất định hòa ước, đem 3 tỉnh Định-Biên-Tường khinh thường cho người; đi sứ lại không được việc. Sau sung kinh lược sứ lại để lỡ cơ hội, nên các tỉnh Long-Giang-Hà đều mất, hai tội đều nặng cả, tuy sau khi việc đã rồi, xét phải tội chết, chưa đủ che được tội. *Vậy Phan Thanh Giản cho cùng với Lâm Duy Thiếp đã quá cố đều truy đoạt lại chức hàm, và để bỏ tên ở bia tiến sĩ, để mãi cái án trăm giam hậu. Giết kẻ đã chết để răn về sau.*

Bọn quan ba tỉnh Long-Giang-Hà: Trương Văn Uyên, Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoán, Nguyễn Xuân Ý, Nguyễn Văn Học, Nguyễn Văn Nhã, Vũ Doãn Thanh, Phạm Hữu Chính, Nguyễn Duy Quang, đề đốc Vũ Thường, chánh phó lãnh binh Hoàng Chiêu, Hoàng Uy [Oai], Nguyễn Hương, Nguyễn Tập, Nguyễn Bút đều là bậc đại thần giữ bờ cõi, ngày thường đã không biết dò thám trước mà đề phòng sẵn, khi lâm sự lại không hết lòng châm chước đối phó, để đến nỗi đều mất, chỉ mang thân không trở về nói sao cho hết tội, đều đã cách chức ngay chờ nghị; trong đó *Trương Văn Uyên thì phải tội 100 trượng, phát lưu 3.000 dặm; Nguyễn Hữu Cơ, Trần Hoán, Vũ Thường, Nguyễn Xuân Ý, Nguyễn Văn Học, Nguyễn Văn Nhã, Vũ Doãn Thanh, Phạm Hữu Chính, Nguyễn Duy Quang, đều phải tội 100 trượng, đày 3 năm; Hoàng Chiêu, Hoàng Uy, Nguyễn Hương, Nguyễn Tập, Nguyễn Bút đều phải tội 80 trượng, đày 2 năm*, 15 viên trên đây người còn thì đều chiếu lệ thi hành, người chết thì truy đoạt lại chức hàm, người chưa tới nơi, đợi khi đến, chiếu án xử lý. Duy có phó lãnh binh quan **Đỗ Huy** mới nhận chức ít ngày, tạm gia ơn xử phải cách chức lưu, để xem làm việc sau này.

Lại hiệp biện đại học sĩ sung khâm sứ đại thần ở Cao, Lạng Tuyên, Thái Vũ **Trọng Bình**, trước đây kinh lược Lạng, Bằng, hơi có chút công lao, nhưng đối với giặc hàng xử trí không xong, để di họa đến ngày nay cũng đình nghị phong, đợt lần này, nếu biết làm việc khéo, được yên ổn lâu dài, sẽ ban ơn chưa muộn. Còn những người không can dự được phong, thì quan có chức trách xét bàn ngay để khuyên răn.

Than ôi! Một tác đất, một người dân, không gì không vật cũ, "con hồ," con hủy ra khỏi cũi, rùa, ngọc để nát ở trong hòm, lỗi tại ai? *Trẫm vì bạc đức, không biết tính xa, dùng người sai lầm, rất tự thẹn hối, trẫm quan các người, lương tâm chưa mát, há chẳng đau lòng?* Mất buổi sớm thu lại buổi chiều, trẫm đương ngày đêm mong mỏi. Các bề tôi của ta chịu ơn thế nào? Báo đáp ra sao? Đều tự nghĩ lấy, đừng chỉ nói suông để tắc trách... (*ĐNTLCB*, 31:267-270; Nguyễn Duy Oanh, 1974:321-324)

Phụ Bản I: Ba Tỉnh Miền Tây

Hà Tiên

Tập 5: ĐNNTC, q XXVI: Hà Tiên, (1997), (5:5-34)

Artifacts: Oc Eo pottery, 1-7 century BC.

1615: Angkor King's Edict.

24/6/1967: Pháp chiếm Hà Tiên. 20/6/1867: Pháp chiếm Vĩnh Long; 22/6/1867: Pháp chiếm An Giang;

Sau 1975, tỉnh **Kiên Giang**; gồm

thị trấn Hà Tiên [tỉnh cũ lập năm 1833] và

thị xã Rạch Giá, tỉnh cực tây của miền nam; gồm đất liền và các biển đảo kể cả Phú Quốc. **trong Vịnh Xiêm La [Thái Lan].**

Rạch Giá-Sài Gòn, 248 km; đường LTL 80, Rạch Giá-Sa Đéc, 105 km. Sa-Đéc-Sài Gòn: 143 kms.

16/6/1868: Nguyễn Trung Trực chiếm Rạch Giá. Giết chết 30 người Pháp. 21/6/1868: Đề đốc Marie G H Ohier (4/1868-12/1869), Quyền Thống đốc, sai viện binh Pháp từ Vĩnh Long kéo tới. Có Đỗ Hữu Phương (Tổng đốc Phương). Huỳnh Công Tấn (Đội Tấn), Trần Bá Lộc (Phủ Lộc). Nguyễn Trung Trực chạy ra Phú Quốc [Tây Hà Tiên 70 km]. 8/1868: Pháp vây đánh Phú Quốc. Nguyễn Trung Trực đầu hàng. Ngày 27/10/1868, bị xử bắn ở Rạch Giá.

Phú Quốc: Tây Hà Tiên 70 km; 27 đảo, một thị trấn; diện tích 576 km²; dân số 45,000 (1993), 95,000 (2013), dài 50 km, rộng nhất, 25 km. Hai sân bay, Dương Đông và An Thới; cảng Dương Đông. Trồng trọt, hồ tiêu, cao su, đánh bắt hải sản.

Minh Hải: **Bạc Liêu** và **Cà Mau** cũ.

Bạc Liêu-Sài Gòn, 288 km; Hà Nội, 1964 km.

[Hậu Giang: Cần Thơ cách Mỹ Tho 126 km, Sài Gòn, 196 km; Hà Nội, 1891 km.

Cần Thơ-Phụng Hiệp, 27 km; Cần Thơ-Sóc Trăng, 60 km; Cần Thơ-Bạc Liêu, 114 km; Cần Thơ-Cà Mau, 180 km; Cái Nước, thêm 35 cây số [215 km], Năm Căn, 20 km [235 km].

Vĩnh Long

ĐNNTC, q XXIX: **Vĩnh Long**, (1997) (5:121-156)

20/6/1867: Lagrandière chiếm Vĩnh Long; 22/6/1867: Pháp chiếm An Giang; 24/6/1867: Pháp chiếm Hà Tiên. 4/8/1867: Phan Thanh Giản uống thuốc độc tự tử. 1869 bị Tự Đức đục tên khỏi bia đá Tiến sĩ.

Sau 1975, Vĩnh Long hợp với Vĩnh Bình, thị xã Trà Vinh thành tỉnh **Cửu Long**. Vĩnh Long đi Sài Gòn, 141 km; không còn phà như ngày trước Hà Nội, 1860 km. Vĩnh Long-Ba Càng, 18 km; Cái Vồn, 29 km; Cần Thơ, 33 km.

Đảo **Côn Lôn**, ở giữa biển cả; đông nam Vĩnh Long.

Trước thuộc Cần Giờ, trấn Gia Định, đi thuyền một ngày, một đêm thì tới. Năm 1830, huyện Trà Vinh, Vĩnh Long. (5:142, 154, 155-156) nay thuộc Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đông Nam Vũng Tàu 180 cây số. Gồm 14 đảo. Diện tích Côn Đảo 51.2 km². Năm 1862, Pháp xây nhà tù trên đảo.

Phụ bản Côn Lôn [Pulau Kundur, Poulo Condore], (1997), (5:152-56)

Đảo **Côn Lôn**, ở giữa biển cả; nay thuộc Bà Rịa-Vũng Tàu. Đông Nam Vũng Tàu 180 cây số. Gồm 14 đảo. Diện tích Côn Đảo 51.2 km².

Trước thuộc Cần Giờ, trấn Gia Định, đi thuyền một ngày, một đêm thì tới. 1702-1703, Briten chiếm giữ]. 1787: Cất nhượng cho Pháp và Touron, tức Đà Nẵng. Năm 1830, huyện Trà Vinh, Vĩnh Long, đông nam Vĩnh Long. (1997) (5:142, 154, 155-156) .

Năm **1862**, Pháp xây nhà tù trên đảo. Tù nhân chính trị: Nguyễn Trung Trực. Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Thái Thân, v.. v.. Thập niên 1930, Phạm Văn Đồng (ThT, 1955-1987), Phạm Văn Thiệu (Phạm Hùng, 1987-1988), Tôn Đức Thắng (CTNN, 1969-1981), Nguyễn Phương Thảo (Nguyễn Bình, 1910 [1929-1934]-1951), Lê Duẩn (1910 [1931-1936, 1940-1945]-[1960-1986]), Lê Văn Lương (1914 [1/1934]-?)

Mình Hải: Bạc Liêu và Cà Mau cũ. Bạc Liêu-Sài Gòn, 288 km; Hà Nội, 1964 km.

Cần Thơ-Bạc Liêu, 114 km; Cần Thơ-Cà Mau, 180 km; Cái Nước, thêm 35 cây số [215 km], Năm Căn, 20 km [235 km].

An Giang

ĐNNTC, q XXX: **An Giang**, (1997), (5:157-198)

22/6/1867: Lagrandière chiếm An Giang; 20/6/1867: Pháp chiếm Vĩnh Long; 24/6/1867: Pháp chiếm Hà Tiên.

Thị xã **Long Xuyên**-Sài Gòn, 193 km; Hà Nội, 1791 km. Châu Đốc, 119 km tới Tri Tôn 42 km.

Thị xã **Châu Đốc**, hữu ngạn sông Hậu, cửa kinh Vĩnh Tế. Cách Hà Tiên 90 km. **Châu Đốc**, 5 km, núi Sam, đền Thoại Ngọc Hầu; đi sát Thất Sơn, đi hướng tây nam, theo kinh Vĩnh Tế, **95 km tới Hà Tiên**.

Phụ Bản II:

Cấp Chỉ Huy Pháp (1857-1885)

A. Thời của các đô đốc:

1. Ngày 25/11/1857: Charles **Rigault de Genouilly** được Đô Đốc Ferdinand Alphonse **Hamelin**, Thượng thư Bộ HQ&TĐ, cử làm Tư lệnh đạo quân viễn chinh. SHM (Vincennes), GG2 39; CARAN (Paris), Fonds Marine, BB4-749, 1045. Năm 1847, hạm trưởng *Victorieuse*, bắn phá Đà Nẵng, cùng Đại tá Augustin Lapiere, hạm trưởng tàu *Gloire*.

2. Ngày 20/8/1859: Đề đốc Joseph **Page** thay Rigault de Genouilly. Tới Đà Nẵng ngày 19/10/1859. 1/11/1859: Nhận bàn giao của Rigault de Genouilly. 2/2/1860: Rời Sài Gòn lên Hong Kong. 27/2/1860: Lệnh bổ nhiệm Phó Đô Đốc Leonard **Charner**. CARAN (Paris), BB4 767; SHM (Vincennes), GG2 44:3, d3 [ngày 9/2/1860, tức một tuần sau ngày rời Sài Gòn, Page được thông báo sẽ được Charner thay thế]

3. Ngày 7/2/1861 Charner mang chiến hạm tới Gia Định. Ngày 23 [28]/11/1861 Phó Đô Đốc Louis Alphonse **Bonard [Phô Na]** thay Charner. (*ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:46) [hòa ước 5/6/1862]

4. Ngày 30/4/1863, Đề đốc Pierre Paul **Benoit de Lagrandière** thay Phó Đô Đốc Louis Bonard [Phô Na] về nước. (*ĐNTLCB*, IV, 30:1863-1865, 1974:46) [Bonard đã thay Charner từ ngày 23/11/1861].

[chiếm 3 tỉnh miền tây]

4/4/1868: Benoit de Lagrandière về nước dưỡng bệnh. Đề Đốc Marie G H Ohier XLTV (4/1868-12/1869),

5. Đề Đốc **Cornulier-Lecunière** (12/1869-3/1870). Thực thụ, 3/1870-2/4/1871.

6. 2/4/1871: Đề đốc **Jules Dupré** (1813-1881) làm Thống đốc Cochinchine (tới 16/3/1874) [hòa ước 15/3/1874]

7. 12/1874-16/10/1877: Đề đốc **Duperré**. 5/1/1876: Chia Nam Kỳ làm 4 Khu: Sài Gòn, Mỹ Tho, Vĩnh Long, và Bassac. Mỗi Khu, chia làm nhiều Tiểu Khu. Sài Gòn: 5 tiểu khu:

8. 16/10/1877-6/7/1879: Louis Jules **Lafont** [cựu tùy viên của Rigault de Genouilly. Từng thương thuyết với Nguyễn Tri Phương năm 1859].

Đề đốc Lafont lên thay Đề đốc Duperré ngày 16/10/1877. Giống như những người tiền nhiệm, ông đã tích cực áp dụng những biện pháp mà ông tin rằng đích đáng để bảo đảm hòa bình và thịnh vượng cho đất mới của Pháp. Ông rời chính quyền thuộc địa ngày 7/6/1879.

Ông [Lafont] chấm dứt một loạt các Thống đốc quân sự mà sự tận tâm, nghị lực và sự khôn khéo thận trọng đã cho phép bình định gần như toàn thể xứ này trong vòng 20 năm, đã khiến cho dân chúng của đất Nam Kỳ xưa thương yêu và kính trọng những nhà bảo hộ mới của họ, quốc gia mới của họ; và cuối cùng tạo điều kiện để thực hiện một việc làm đáng kể và lợi ích cho tiền đồ của xứ ta là sự thành lập chính phủ dân sự của ông Le Myre de Vilers, nhiệm chức từ ngày 7/6/1879.

[Nguyên văn: Le Contre-Amiral Lafont succeda au Contre-Amiral Duperré le 16 Octobre 1877. Comme ses prédécesseurs, il s'occupa activement des mesures qu'il croyait les plus propres à assurer la paix et la prospérité de la nouvelle terre française. Il a quitté le gouvernement de la colonie le 7 juin 1879.

Avec lui prend fin la série de gouverneurs militaires dont le dévouement, l'énergie et la prudente habileté ont permis d'arriver en vingt années à peine à la complète pacification du pays, à faire aimer et respecter aux habitants de l'ancien pays de Nam-kỳ leurs nouveaux protecteurs, leur nouvelle patrie; à rendre possible enfin et capable d'exercer une action considérable et bienfaisante sur les destinées du pays, le gouvernement civil, inauguré le 7 juin 1879 par M. Le Myre de Vilers. (Ibid., II:277-78)

Thông đốc dân sự:

1. 13/5/1879: Charles **Le Myre de Villers** (7/7/1879-1881, [Tướng Trentinian] 1881-1/1883) [năm 1873 còn là Thiếu úy?]
2. Charles **Thomson** (13/1/1883-27/7/1885)

Phụ Bản III:

Petrus Key và Vụ án

Tổng Thị Quyên-Hoàng tôn Đán

Mới đây khi hiệu đính hai cuốn *Việt Nam Niên Biểu, Tập II-A: Các tôn giáo và II-B: Các tổ chức chính trị* (sẽ in năm 2016) tôi có dịp duyệt xét lại vài chi tiết trong tập *Cours d'histoire annamite à l'usage des écoles de la Basse Cochinchine* [Bài giảng sử ký An-nam-mít dùng cho các trường ở Nam Kỳ thấp], 2 tập, (Sài Gòn: 1875-1877[1879]) của Petrus Key.

[Trọn bộ sách này hiện lưu giữ tại Thư viện Quốc Gia Pháp (Mitterand) ở quận XIII, Paris. Hơn 10 năm trước, tôi chỉ ghi chép những nét chính; năm 2001 nhờ Luật sư Trần Thanh Hiệp làm giúp phóng ảnh, nhưng sách đã quá cũ, nên Luật sư Hiệp đã ưu ái chép giúp lại những trang cần thiết, từ trang 257 tới 261, vừa đủ sử dụng cho phần này. Đầu năm 2002, vợ chồng cháu Vũ Thái Dũng tìm được bản sao không toàn vẹn của tập II từ Sài Gòn. Đọc kỹ những trang sót, tôi nghĩ tập này phải in năm 1879, không phải 1877 như đã ghi ở đầu sách]

Trong tập *Cours d'histoire annamite* nói trên, Petrus Key thuật lại rằng “theo lời đồn” vua Nguyễn Phước Đảm (Minh Mạng) “đi lại” với chị dâu góa (tức Tổng Thị Quyên, vợ Thái tử Cảnh), khi chị có thai, bèn kết tội lăng mạ và ghép án tử hình, chết chung với hai đứa con trai [Hoàng tôn Đán tức Mỹ Đường, và Mỹ Thùy]. Lại còn phụ chú rằng vua cho chọn “**tam ban triều điển**”: tự tử bằng thuốc độc, thắt cổ, hoặc dao găm.

[*Nguyên văn: Son frère Cảnh était mort, laissant deux fils; leur perte fut résolu. Minh Mang, dit-on, eut des relations avec la veuve de son frère et la rendit enceinte. Quand la grossesse fut apparante, il l'a condamné à mort pour inceste, elle et ses deux fils, ses deux propres neveux. Il leur accorda cependant la faveur de choix du genre de mort.*(1)

1. Cette faveur, appelé tam ban triều điển, consiste à envoyer au condamné priviligé trois engins de destruction: (1) trois mètres de soie rose pour s'étrangler ou se prendre; (2) un verre de poison pour boire; (3) un sabre pour se couper la gorge. (II:259-60)]

Petrus Key nhận xét rằng đây là một “tội ác” vì Minh Mạng là người có bản chất “ác độc, lạnh lẽo, tối tăm và gian xảo” [*nature méchante, froide, sombre et fausse*].(II:260)

Mặc dù Trần Trọng Kim đã bài bác tin đồn (dit-on) này (VNSL, II:187), một số nhà truyền giáo vẫn sao chép lại, và đời ngày Hoàng tôn Đán bị giết từ 1824 tới 1835. (Xem, Phan Phát Huôn, *Việt Nam Giáo Sử* [1965], I:300-1). Năm 1993, “Bảy” Trần lập lại nguyên vẹn chi tiết “loạn luân” và “giết người bịt miệng” trong “biên khảo” về Petrus Ký. (1993, tr 51).

Trước hết, phải khẳng định: Theo *Đại Nam Thực Lục, Chính Biên* và *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện*, của Quốc sử quán triều Nguyễn chỉ có Tổng Thị Quyên, vợ góa Hoàng tử Cảnh, bị chìm nước chết trong năm Giáp Thân (1824). Người thi hành bản án này là Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt (cũng người được các giáo sĩ và Petrus Key mô tả như chống lại vua Minh Mạng, ủng hộ Hoàng tôn Đán, những lời võ đoán trái ngược với sử nhà Nguyễn), mới từ thành Phiên An (Sài Gòn) ra Huế dự thượng thọ của Hoàng Thái hậu. Hoàng tôn Đán [Mỹ Đường] bị phé làm thứ dân, dời nhà khỏi Hoàng thành từ tháng 1-2/1825 [12 Giáp Thân, 19/1-17/2/1825], và cấm không được vào châu. (*ĐNTLCB*, II, 7:104-105; *ĐNLT, CB* q. 2 (truyện Anh Duệ Hoàng thái tử) & 23 (truyện Lê Văn Duyệt hạ) [1993], II:49, 396 [Việt ngữ]). Đán bị đặt trong tình trạng giám sát thường xuyên, và năm 1849 mới chết giữa lúc kinh đô bị bệnh thời khí. (*ĐNTLCB*, q. 2 [1993], II:52-4). Nói cách khác, Nguyễn Phước Đảm không “thủ tiêu” Đán như Petrus Key và các giáo sĩ tung tin đồn. Em Đán là Thái Bình Công Mỹ Thùy chết “bệnh” tháng 8-9/1826 [tháng Bảy Bính Tuất, 4/8-1/9/1826], khi đang bị quân lính kiện. (*ĐNTLCB*, II, 8:76) Tháng 9-10/1826 [Tám Bính Tuất], Nguyễn Phước Đảm cho Lê Chung, con Mỹ Đường, mới 6 tuổi, được tước Ứng Hòa hầu để giữ hương hỏa Thái tử Cảnh. (*ĐNTLCB*, II, 8:97)

Khi sơ thảo cuốn Các vua cuối nhà Nguyễn, tôi đã sử dụng tài liệu của các nhà truyền giáo. Nay xin viết rõ lại, và hy vọng độc giả chưa có phần “Đính chính” sửa chữa giúp ấn bản năm 1999 (tập I) như sau:

tr. 52, dòng 8-9: “Việc Minh Mạng giết chết mẹ ruột Đán là Tổng Thị Quyên rồi biếm Mỹ Đường làm thường dân vào năm 1824”

tr. 57, dòng 17-19: “Bởi thế sau khi giết Tổng thị (vợ Cảnh) và biếm Hoàng tôn Đán làm thường dân, ngày 12/2/1825, vua mật chỉ cho Tổng Đốc Quảng Nam:”

Vụ án Nguyễn Văn Thành (1758-1817)

Nhân đây cũng bàn thêm việc liên quan giữa vụ án Nguyễn Văn Thành cùng cuộc tranh chấp ngôi vua giữa Hoàng tôn Đán (?-1849, cháu đích tôn Gia Long) và Hoàng tử Đảm (1791-1841, Hoàng tử thứ tư), tức vua Minh Mạng.

Petrus Key và các giáo sĩ chép rằng “Nguyễn Văn Thiềng” [Thành] “Phó vương (Vice Roi) ở Bắc Kỳ” bị Minh Mạng (1820-1841) giết vì một bức thơ giả mang dấu ấn của Thiềng. Lê Văn Duyệt “ngán ngấm” trước cảnh này, xin vào Gia Định đánh giặc. (*Cours d’histoire annamite*, 1877[?], tome II, tr. 261; Trần 1993, tr. 51-2).

Câu chuyện “cổ tích” mà Petrus Key chép bằng tiếng “Pha Lang Sa” để “kiếng” cho “học trò các trường đất Nam kì” trên (Xem thư ngày 25/2/1875 của P.J. Trương Vinh Ky, ở phần đầu tập I, *Cours d’histoire annamite*; Nguyễn Văn Trấn, 1993, tr. 32), dĩ nhiên, khác xa với sử liệu Nguyễn. Cuộc thanh trừng phe ủng hộ Hoàng tôn Đán (như cha con Nguyễn Văn Thành) xảy ra dưới triều Nguyễn Phước Chung (Gia Long, 1802-1820). Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng và Nguyễn Hữu Nghi thủ diễn vai trò quan trọng trong cuộc thanh trừng này. Ba năm sau, khi vua Nguyễn Phước Chung từ trần, Đông Cung Thái tử Đảm lên nối ngôi (1820-1841). Hai người được Nguyễn Phước Chung chọn để nhận di chiếu là Phạm Đăng Hưng (nhạc phụ của Miên Tông, 1841-1847) và Lê Văn Duyệt. Sau khi lên ngôi, để thưởng công Lê Văn Duyệt, ngày 16/7/1820, Nguyễn Phước Đảm cử *Tả quân* Lê Văn Duyệt làm **Tổng trấn Gia Định** lần thứ hai. (CBMM, CMMM, CB 2:188 [chiếu]; MLCBMM, II, 1962:89) Ngày 28/8/1820 [20/7 Canh Thìn], Lê Văn Duyệt báo cáo đã tới Gia Định. (CBMM, CMMM, 20/7 Canh Thìn, CB 1:56; MLCBMM,

II, 1962:12) Trần Nhật Vĩnh, Tham Hiệp trấn Thanh Hóa, theo Duyệt vào Gia Định, coi việc chương tấu, từ hàn. (CBMM, CMMM, CB 2:182; MLCBMM, II, 1962:88)

: